

Số: 1118/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thí sinh trúng tuyển cao đẳng chuyên nghiệp hệ chính quy năm 2015
xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2015 của Trường;

Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhập học năm học 2015 – 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo – Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Nay quyết định thí sinh trúng tuyển nhập học cao đẳng chuyên nghiệp, hệ chính quy năm 2015, xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (đợt 2) gồm: 1504 thí sinh (có danh sách kèm theo).
- Điều 2.** Các thí sinh trúng tuyển được nhập học bậc cao đẳng chuyên nghiệp, hệ chính quy của nhà trường kể từ năm học 2015 - 2016, theo đúng quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điều 3.** Các thí sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD-ĐT;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG
CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015
XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT (ĐỢT 2)**

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1	15,00915	Phạm Thị Thúy An	Nữ	10/07/1997	C480201	7	1		7,30
2	15,00998	Đặng Thị Bình An	Nữ	21/05/1997	C540204	13	2NT		6,70
3	15,01108	Nguyễn Hữu An	Nam	23/10/1997	C510205	2	1	1	6,30
4	15,01346	Lê Ngọc An	Nam	25/04/1997	C480201	7	2NT		6,80
5	15,01505	Lê Văn An	Nam	20/02/1997	C510205	11	1		6,50
6	15,01756	Trịnh Thị Phương An	Nữ	06/09/1997	C480201	9	2NT		5,70
7	15,01802	Phan Thanh An	Nam	01/11/1997	C510301	10			5,50
8	15,02091	Bùi Thành An	Nam	10/11/1997	C510205	4	1	1	6,70
9	15,02378	Bùi Trường An	Nam	27/01/1997	C510205	4	2NT		6,50
10	15,02896	Lê Ngọc An	Nam	25/04/1997	C480201	7	2NT		6,80
11	15,01134	Huỳnh Khải Ân	Nam	12/03/1996	C510205	1	2		6,70
12	15,02097	Nguyễn Chung Thiên Ân	Nam	16/02/1997	C510205	7	2NT		6,70
13	15,02356	Nguyễn Trần Bảo Ân	Nam	09/10/1997	C510201	5	2NT		7,20
14	15,02544	Hoàng Thiên Ân	Nam	18/03/1997	C510205	1			7,30
15	15,00826	Hồ Tuấn Anh	Nam	17/02/1997	C510206	3	1		7,50
16	15,0103	Nông Trung Anh	Nam	17/02/1994	C510205	3	1		6,10
17	15,01069	Lương Tuấn Anh	Nam	12/05/1997	C510206	14	3		6,10
18	15,01121	Tô Vũ Hải Anh	Nam	20/10/1997	C510205	5	2NT		6,30
19	15,01175	Nguyễn Chí Anh	Nam	20/06/1997	C510205	13	1	1	6,90
20	15,01176	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/08/1996	C510201	8			6,60
21	15,01268	Nguyễn Trần Ngọc Anh	Nam	01/02/1997	C510205	10	2		6,00
22	15,01292	Đinh Hoàng Bảo Anh	Nam	16/08/1995	C510201	15	3		5,50
23	15,01463	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	11/02/1997	C510205	19			6,40
24	15,01394	Trần Tuấn Anh	Nam	10/04/1997	C510206	5	2NT		6,20
25	15,0147	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	12/10/1997	C480201	10	2NT		6,70
26	15,01537	Lương Tùng Anh	Nam	06/03/1997	C510205	14	3		7,20
27	15,01579	Trần Quốc Anh	Nam	14/10/1994	C510301	19	3		5,50
28	15,01769	Nguyễn Văn Tiến Anh	Nam	26/04/1997	C480201	8	1		7,20
29	15,01599	Vũ Duy Anh	Nam	21/08/1997	C540204	14	3		6,50
30	15,01799	Đỗ Hoàng Anh	Nam	02/10/1997	C510201	3			7,40
31	15,01994	Hồ Trần Anh	Nam	02/07/1997	C510205	20	2NT		6,70
32	15,01888	Châu Nguyên Anh	Nam	12/12/1997	C480201	6	1		6,00
33	15,01853	Phạm Minh Anh	Nam	16/11/1997	C510301	10	2NT	1	6,00
34	15,02232	Nguyễn Phúc Anh	Nam	27/02/1995	C510201	10	2		8,60
35	15,02281	Đỗ Hoàng Anh	Nam	02/10/1997	C510201	3	2NT		7,40
36	15,02152	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	09/07/1996	C510205	8			6,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
37	15,02418	Nguyễn Đình Trọng	Anh	Nam	26/10/1997	C510301	6	1		6,30
38	15,02463	Lại Đình Quốc	Anh	Nam	01/01/1997	C540204	5	2NT		7,40
39	15,01187	Nguyễn Hàn Lâm Phương	Ánh	Nam	19/06/1997	C510301	10	1	1	6,10
40	15,01368	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/07/1997	C540204	7	1		6,70
41	15,01042	MoHaMad	AsNaQui	Nam	01/05/1996	C510201	4	1		7,00
42	15,02351	Trương Văn	Âu	Nam	20/06/1996	C510201	10	2NT		6,80
43	15,01508	Võ Quang	Bắc	Nam	01/01/1997	C510201	7	2NT		6,70
44	15,00775	Lương Thị Kim	Bài	Nữ	28/04/1997	C480201	1	2		7,10
45	15,01288	Lưu Trọng	Băng	Nam	10/10/1997	C510301	21			6,20
46	15,02689	Huỳnh Nhất Tâm	Băng	Nam	10/04/1996	C480201	7			5,90
47	15,0131	Đoàn Trọng	Bằng	Nam	10/05/1997	C510205	5	2NT		7,10
48	15,0288	Lê Trọng	Bằng	Nam	01/01/1997	C480201	7	2NT		6,60
49	15,00743	Hồ Hoàng	Bảo	Nam	07/10/1993	C510301	23	3		7,80
50	15,02307	Liêu Nguyễn Tiến	Bảo	Nam	07/09/1997	C510206	14	3		6,40
51	15,00822	Phan Chí	Bảo	Nam	25/03/1996	C510201	16	3		5,90
52	15,00845	Nguyễn Thái Hoàng	Bảo	Nam	14/08/1997	C480201	3	3		6,10
53	15,00988	Ngô Minh	Bảo	Nam	17/07/1997	C510206	8	1	1	6,60
54	15,01074	Nguyễn Đức Quốc	Bảo	Nam	20/07/1997	C510301	7	1	1	6,70
55	15,01147	Nguyễn Huy Chí	Bảo	Nam	01/10/1997	C510301	7	1		5,60
56	15,01277	Vương Hùng	Bảo	Nam	10/01/1997	C510205	21	2		6,50
57	15,01369	Nguyễn Duy	Bảo	Nam	03/10/1997	C510201	14	3		5,70
58	15,01544	Huỳnh Minh	Bảo	Nam	02/09/1995	C510301	11	2		6,60
59	15,01562	Trần Đức	Bảo	Nam	15/01/1997	C510205	2	1		6,00
60	15,01623	Trần Thanh	Bảo	Nam	12/02/1997	C510301	4	1	1	6,30
61	15,01935	Trịnh Đình	Bảo	Nam	28/08/1997	C510201	8			6,20
62	15,01977	Trần Quốc	Bảo	Nam	14/09/1997	C480201	14	3		6,10
63	15,01906	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	02/10/1996	C510205	19			6,80
64	15,02122	Phan Quốc	Bảo	Nam	24/03/1997	C510205	12			7,40
65	15,01855	Đặng Tấn	Bảo	Nam	01/01/1997	C510205	5	2NT		7,20
66	15,02047	Lê Chí	Bảo	Nam	20/05/1997	C510205	9	2NT		6,50
67	15,01882	Nguyễn Đức	Bảo	Nam	10/06/1997	C510205	7			6,00
68	15,0238	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	17/11/1996	C510205	1	3		5,80
69	15,02468	Liêu Quốc	Bảo	Nam	05/07/1997	C480201	9			5,90
70	15,02513	Nguyễn Đình	Bảo	Nam	24/04/1996	C510201	3	3		6,40
71	15,02575	Lê Quang	Bảo	Nam	09/12/1997	C510205	10	2		5,70
72	15,02057	Dương Gia	Bảo	Nam	21/08/1996	C510205	13	3		6,40
73	15,02735	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	20/01/1997	C510201	5	2		6,90
74	15,02746	Đỗ Duy	Bảo	Nam	05/01/1996	C510201	6	2NT		6,60
75	15,01625	Ngô Thị	Bích	Nữ	26/09/1997	C540204	5	2NT		6,20
76	15,01138	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	05/12/1997	C510205	14	3		5,50
77	15,01207	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	19/01/1997	C510205	5	1	1	6,50
78	15,01225	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	02/07/1997	C510205	5	2NT		6,90
79	15,01446	Nguyễn Đức	Bình	Nam	10/02/1997	C510205	3	2NT		7,00
80	15,014	Nguyễn Thái	Bình	Nam	27/04/1997	C510205	15	3		7,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
81	15,01462	Võ Quốc Bình	Nam	14/02/1997	C510205	22	3		6,60
82	15,01698	Bùi Minh Bình	Nam	18/08/1997	C510301	6	2		6,50
83	15,02186	Trần Thanh Bình	Nam	30/04/1997	C510201	3			5,90
84	15,02487	Huỳnh Thị Nhị Bình	Nam	12/02/1997	C540204	4	2NT		6,50
85	15,02629	Ngô Gia Quốc Bình	Nam	05/09/1997	C510205	4			7,00
86	15,0254	Vũ Phạm Thái Bình	Nam	02/02/1996	C510205	7	1		7,00
87	15,02868	Phạm Quốc Bình	Nam	15/07/1997	C480201	7	2NT		5,80
88	15,02858	Vũ Thái Bình	Nam	06/08/1997	C510301	1		1	7,40
89	15,02038	Ngô Hoàng Bửu	Nam	29/08/1997	C540204	8	2NT		6,10
90	15,02805	Châu Ngọc Ca	Nam	25/01/1997	C510205	11	2NT		6,40
91	15,01877	Nguyễn Đăng Cẩm	Nam	26/07/1997	C510301	10			5,60
92	15,02369	Đặng Minh Cang	Nam	20/11/1997	C510205	11	2NT		6,50
93	15,02347	Võ Ngọc Cảnh	Nam	27/10/1996	C480201	2	2NT	1	6,70
94	15,01705	Trần Cầu	Nam	02/07/1997	C510206	10	1	1	6,30
95	15,02545	Đặng Huyền Chăm	Nam	02/09/1997	C540204	6	2		6,90
96	15,01139	Huỳnh Văn Chân	Nam	05/05/1995	C540204	21	2NT		5,80
97	15,00943	Ngô Nguyễn Hữu Chánh	Nam	29/3/1996	C510205	5	1		6,10
98	15,01453	Lê Công Chánh	Nam	24/05/1997	C510301	10			6,40
99	15,019	Phạm Quốc Chánh	Nam	08/07/1997	C510201	9	1		5,90
100	15,01928	Nguyễn Văn Chánh	Nam	24/01/1997	C510206	4	2NT		6,60
101	15,01428	Phạm Ngọc Châu	Nam	02/07/1997	C510301	21	2		7,00
102	15,01887	Phạm Văn Châu	Nam	30/08/1997	C480201	3	1		6,50
103	15,02011	Đỗ Thành Châu	Nam	25/05/1997	C480201	3	1	1	7,50
104	15,01046	Nguyễn Công Chí	Nam	20/10/1997	C510201	1	1		6,50
105	15,01253	Huỳnh Minh Chí	Nam	01/10/1997	C540204	5	2NT		6,70
106	15,00991	Nguyễn Hữu Chí	Nam	08/08/1997	C510205	15	1	1	6,90
107	15,01269	Trần Xuân Chiến	Nam	18/08/1996	C510205	7	1		6,60
108	15,01362	Nguyễn Ngọc Minh Chiến	Nam	17/11/1997	C510201	10			7,00
109	15,01636	Nguyễn Hoài Chiến	Nam	30/01/1995	C510206	7	2		7,70
110	15,01863	Lê Văn Chiến	Nam	11/05/1996	C510205	4			6,40
111	15,0217	Nguyễn Minh Chiến	Nam	10/10/1997	C510301	7	1		6,40
112	15,02222	Nguyễn Văn Chiến	Nam	04/08/1996	C480201	6	1		6,10
113	15,02647	Trần Minh Chiến	Nam	17/03/1997	C510205	3	2NT		6,40
114	15,00922	Phan Đình Chung	Nam	03/03/1995	C480201	9	3		5,90
115	15,0115	Trương Ngọc Chung	Nam	16/11/1997	C510201	9	2NT		7,50
116	15,01358	Bùi Văn Chung	Nam	16/05/1997	C510301	6	1	1	6,40
117	15,01317	Phạm Thị Kim Cương	Nữ	17/07/1997	C540204	10	2NT		6,20
118	15,02386	Phạm Văn Cương	Nam	02/02/1996	C510301	9	1		6,60
119	15,00831	Nguyễn Trí Cường	Nam	27/03/1996	C510301	4	2		6,10
120	15,00877	Nguyễn Thanh Cường	Nam	01/07/1996	C510205	15	3		7,00
121	15,00919	Nguyễn Chí Cường	Nam	24/07/1996	C510301	4			6,10
122	15,01099	Nguyễn Quốc Cường	Nam	19/05/1996	C510205	5	1	1	6,80
123	15,0122	Đào Mạnh Cường	Nam	30/07/1997	C510201	5			5,70
124	15,01278	Phạm Tuấn Cường	Nam	16/10/1997	C510205	7	2NT		7,40

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
125	15,01282	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	20/04/1997	C510201	10			6,10
126	15,01456	Châu Nguyễn Thanh Cường	Nam	02/09/1997	C510201	1	2NT		7,40
127	15,01493	Phạm Quốc Cường	Nam	09/02/1996	C480201	16	3		6,60
128	15,01741	Đặng Minh Cường	Nam	14/09/1995	C510205	3	2NT		6,10
129	15,01811	Trần Văn Cường	Nam	05/10/1996	C510206	1			6,80
130	15,01936	Ngô Quốc Cường	Nam	10/09/1996	C480201	7			6,30
131	15,02033	Nguyễn Quốc Cường	Nam	26/06/1997	C480201	8	1		5,60
132	15,02052	Võ Quốc Cường	Nam	26/11/1997	C510205	4	1		6,70
133	15,02181	Phạm Đình Cường	Nam	16/03/1997	C510201	1	1		6,20
134	15,02205	Bùi Quốc Cường	Nam	19/10/1997	C510205	4	2NT		6,10
135	15,02459	Ngô Chí Cường	Nam	12/06/1996	C480201	2	1		6,30
136	15,02656	Nguyễn Quang Cường	Nam	16/12/1996	C510205	11	2NT		6,20
137	15,02803	Trần Quốc Cường	Nam	26/06/1997	C510206	12	1	1	6,50
138	15,01118	Huỳnh Công Danh	Nam	23/07/1997	C510301	3	2NT		6,40
139	15,01337	Ngô Thành Danh	Nam	31/08/1997	C510301	6	1		6,00
140	15,01461	Phạm Công Danh	Nam	30/08/1997	C510201	3	2		6,30
141	15,02577	Phan Minh Danh	Nam	12/11/1996	C480201	9	3		6,20
142	15,0285	Trương Công Danh	Nam	09/03/1997	C510205	19	3		6,90
143	15,02887	Huỳnh Văn Danh	Nam	21/07/1997	C510301	1			6,00
144	15,02889	Huỳnh Quốc Danh	Nam	14/12/1996	C510205	21	2		6,20
145	15,01995	Văn Công Dư	Nam	24/01/1997	C510301	12			6,90
146	15,01726	Bùi Thanh Dư	Nam	19/12/1997	C510201	7	2NT	1	5,90
147	15,01851	Lê Đức Doanh	Nam	22/04/1997	C510301	10	2NT	1	6,10
148	15,00888	Trần Đức Dũng	Nam	01/12/1997	C480201	10	2NT		5,60
149	15,00997	Trần Hoàng Dũng	Nam	11/05/1996	C510301	9	1		6,50
150	15,01034	Danh Thanh Dũng	Nam	28/08/1996	C510201	4	1		6,30
151	15,0136	Lê Tiến Dũng	Nam	05/06/1997	C510205	10			5,90
152	15,01407	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	12/07/1995	C510201	19	1	1	6,00
153	15,01382	Phạm Văn Dũng	Nam	09/08/1996	C510205	19	3		5,60
154	15,01515	Trần Hữu Dũng	Nam	13/06/1997	C510201	19	3		7,50
155	15,01714	Ngô Quốc Dũng	Nam	13/06/1997	C510205	6	2NT		6,90
156	15,01993	Hoàng Anh Dũng	Nam	06/04/1996	C510206	12			6,60
157	15,02553	Lê Tấn Dũng	Nam	16/11/1997	C510201	10	2NT		6,30
158	15,02616	Lê Thanh Dũng	Nam	02/08/1997	C510301	5	2NT		7,10
159	15,02731	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	05/03/1997	C510205	19			7,30
160	15,02835	Bùi Lê Anh Dũng	Nam	31/03/1997	C480201	14	1		5,90
161	15,00955	Nguyễn Thị Liễu Dương	Nữ	13/05/1997	C540204	9	2NT		7,30
162	15,00836	Phạm Tùng Dương	Nam	01/07/1996	C510301	8	1		6,60
163	15,01951	Nguyễn Văn Dương	Nam	16/06/1997	C480201	6	3		7,00
164	15,02083	Nguyễn Thành Dương	Nam	06/02/1997	C510205	6	1		6,50
165	15,01931	Nguyễn Duy Dương	Nam	03/04/1997	C510205	8	2NT		5,90
166	15,02203	Đỗ Hải Dương	Nam	03/02/1997	C510201	8			6,70
167	15,02225	Đỗ Quốc Dương	Nam	23/03/1997	C510205	1	2		6,80
168	15,02327	Tô Hoàng Dương	Nam	30/12/1997	C510301	2	1		6,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
169	15,02106	Phan Tiến Dương	Nam	08/04/1997	C510205	5	2NT		6,90
170	15,02449	Nguyễn Trùng Dương	Nam	20/01/1997	C480201	7	2		6,50
171	15,02531	Lâm Thái Dương	Nam	26/08/1997	C510205	5	2NT		7,30
172	15,02713	Nguyễn Hữu Dương	Nam	26/05/1996	C480201	5			6,70
173	15,02767	Nguyễn Trùng Dương	Nam	12/10/1997	C480201	4			6,20
174	15,02778	Nguyễn Tấn Dưỡng	Nam	16/05/1997	C510201	11	2		5,70
175	15,01126	Lâm Quang Duy	Nam	17/07/1997	C510301	10	2NT		6,20
176	15,01261	Nguyễn Thanh Duy	Nam	28/08/1997	C510205	7			6,50
177	15,01295	Trần Phan Quang Duy	Nam	15/08/1997	C510205	10	1		6,30
178	15,01338	Trần Anh Duy	Nam	09/10/1996	C510201	10	2	1	6,00
179	15,01385	Lê Thanh Duy	Nam	19/02/1996	C510205	12			6,00
180	15,01344	Nguyễn Thanh Duy	Nam	07/04/1997	C510205	9	1		6,20
181	15,0149	Trịnh Quang Duy	Nam	14/01/1997	C510301	5	2NT		6,60
182	15,01736	Mai Nhật Khương Duy	Nam	28/11/1997	C510205	1	1		6,10
183	15,01765	Đỗ Hoàng Duy	Nam	06/04/1997	C510301	1	2		7,40
184	15,01922	Nguyễn Quốc Duy	Nam	15/04/1997	C510205	8	2NT		7,00
185	15,01961	Đình Thanh Duy	Nam	02/08/1997	C510205	16	3		7,40
186	15,01766	Trần Thiệu Duy	Nam	24/08/1997	C480201	9	2NT		6,10
187	15,02231	Nguyễn Đình Duy	Nam	07/03/1995	C510301	1	2		7,00
188	15,02265	Trần Quang Duy	Nam	18/04/1997	C510205	3	2NT		7,20
189	15,0228	Trần Đức Duy	Nam	01/01/1997	C510205	9			6,20
190	15,02282	Lê Nguyễn Khánh Duy	Nam	10/08/1996	C510205	13	3		5,90
191	15,02302	Nguyễn Huỳnh Duy	Nam	21/11/1996	C510201	8	2NT		6,40
192	15,02391	Nguyễn Khắc Duy	Nam	26/08/1997	C510205	5	2NT		7,00
193	15,024	Huỳnh Nhật Duy	Nam	21/11/1997	C510205	4	2NT		5,70
194	15,02423	Nguyễn Khương Duy	Nam	10/03/1996	C510301	9	1		6,40
195	15,02489	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	13/09/1997	C510205	14	3		6,80
196	15,0233	Võ Đình Duy	Nam	02/04/1997	C510205	4	1	1	5,70
197	15,02612	Kim Tín Duy	Nam	09/11/1997	C510205	19	3		6,60
198	15,02688	Lăng Văn Duy	Nam	14/04/1995	C510201	8			6,50
199	15,02718	Lê Mậu Duy	Nam	19/03/1993	C510201	3			6,10
200	15,02715	Lê Anh Duy	Nam	01/04/1997	C510205	3	2NT		7,10
201	15,02772	Nguyễn Thái Hoàng Duy	Nam	22/05/1997	C510205	2	3		8,10
202	15,02822	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	18/06/1997	C480201	1	3	2	5,70
203	15,02816	Trần Quang Duy	Nam	24/04/1997	C510205	10	1		5,80
204	15,02891	Tổng Lâm Duy	Nam	01/08/1996	C510205	1	1		6,40
205	15,00829	Võ Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/04/1995	C540204	6	2NT		7,40
206	15,0094	Trương Thị Duyên	Nữ	15/05/1993	C480201	4	1	1	5,80
207	15,02517	Nguyễn Hoàng Di	Nữ	16/5/1997	C540204	3	3		6,50
208	15,01105	Ngô Quang Đại	Nam	01/01/1997	C510301	5	1		6,10
209	15,02039	Lê Hải Đăng	Nam	30/10/1997	C510301	4	2NT		6,30
210	15,02525	Lê Long Đăng	Nam	29/11/1997	C510301	5	1	1	6,60
211	15,01926	Huỳnh Văn Đặng	Nam	20/06/1997	C510301	5	2NT		7,70
212	15,01813	Hồ Tấn Đạo	Nam	09/02/1997	C510201	10			6,80

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
213	15,02593	Lê Công Đạo	Nam	12/02/1997	C510205	4	1		6,50
214	15,02075	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	08/03/1996	C510205	1	1		6,20
215	15,02184	Đỗ Thành Đạt	Nam	09/08/1996	C510201	3			5,90
216	15,02215	Phạm Thành Đạt	Nam	25/08/1997	C510205	1	1	1	6,00
217	15,0074	Trần Văn Đạt	Nam	10/09/1997	C510205	11	2		5,90
218	15,00916	Cao Văn Đạt	Nam	25/03/1997	C510301	8	2NT		6,30
219	15,00925	Đinh Minh Đạt	Nam	14/01/1997	C510301	16	3		7,00
220	15,00926	Phan Thành Đạt	Nam	26/05/1995	C540204	6	2		6,00
221	15,00936	Hồ Tiến Đạt	Nam	25/09/1997	C510205	5	3		7,10
222	15,00972	Nguyễn Đạt	Nam	14/12/1997	C480201	17	2NT		7,70
223	15,01009	Nguyễn Thành Đạt	Nam	23/03/1997	C510205	19			7,00
224	15,01058	Nguyễn Văn Đạt	Nữ	16/04/1996	C510201	12	3	1	6,80
225	15,01073	Trương Gia Đạt	Nam	06/03/1997	C510301	7			6,50
226	15,01197	Nguyễn Văn Đạt	Nam	16/04/1996	C510301	12	3		6,80
227	15,0137	Đào Đức Đạt	Nam	04/12/1995	C510205	14			5,70
228	15,01386	Trần Quang Đạt	Nam	04/07/1996	C510301	12	3		6,30
229	15,01566	Mai Quốc Đạt	Nam	08/05/1996	C480201	14			5,90
230	15,01578	Nguyễn Hữu Đạt	Nam	30/04/1997	C510205	3			6,10
231	15,00838	Thái Nguyễn Quốc Đạt	Nam	06/10/1997	C510205	7	2NT		6,50
232	15,01831	Nguyễn Minh Đạt	Nam	10/12/1997	C510301	6	3		6,10
233	15,0183	Trần Tuấn Đạt	Nam	23/05/1997	C480201	10	3		7,20
234	15,02359	Lê Phát Đạt	Nam	09/01/1996	C510301	4	2NT		6,50
235	15,02438	Chung Vĩnh Đạt	Nam	21/11/1997	C480201	15	3	6	6,30
236	15,02375	Đinh Văn Đạt	Nam	20/04/1997	C540204	2			6,60
237	15,02474	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	07/10/1997	C480201	10	2		6,30
238	15,01131	Võ Quốc Đạt	Nam	03/07/1997	C510205	10	2		6,90
239	15,02021	Trần Tiến Đạt	Nam	01/05/1997	C510301	24			5,90
240	15,02635	Vũ Quốc Đạt	Nam	03/03/1997	C510205	7	2		6,70
241	15,0274	Lưu Khải Đạt	Nam	20/11/1997	C480201	10			6,60
242	15,0268	Nguyễn Thành Đạt	Nam	14/04/1997	C510301	10	2NT		6,30
243	15,02795	Lê Tấn Đạt	Nam	29/05/1997	C510205	2	2		6,30
244	15,01395	Phạm Văn Đây	Nam	24/10/1997	C510201	5	2NT		7,10
245	15,01032	Kim Ngọc Xi Đene	Nam	09/02/1996	C510301	6	1		5,60
246	15,01188	Phan Thanh Điền	Nam	11/05/1997	C540204	10	1		5,50
247	15,02837	Nguyễn Ngọc Điền	Nam	02/09/1997	C510206	10			6,00
248	15,02324	Huỳnh Quang Điện	Nam	01/10/1997	C510301	5	2NT		6,50
249	15,01503	Nguyễn Văn Điều	Nam	13/11/1996	C510201	3	2NT	1	6,50
250	15,01325	Huỳnh Tấn Định	Nam	04/01/1997	C510201	7	2NT		6,40
251	15,01565	Nguyễn Ngọc Đô	Nam	07/04/1997	C510201	8	2NT		6,10
252	15,0184	Phạm Văn Đoan	Nam	07/02/1997	C510205	4	1	1	5,80
253	15,0082	Trương Công Đoàn	Nam	01/08/1996	C510206	5	2NT		5,60
254	15,0211	Trần Thị Công Đoàn	Nữ	18/12/1997	C540204	4	2NT		7,10
255	15,02149	Đào Duy Đơn	Nam	25/12/1997	C510301	5	2NT	2	6,30
256	15,00842	Mai Quốc Đông	Nam	07/09/1995	C510205	2	2NT		6,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
257	15,02118	Bùi Duy Đông	Nam	08/12/1997	C480201	3	1		6,50
258	15,02121	Huỳnh Phương Đông	Nam	10/01/1997	C510205	6	2NT		6,40
259	15,02116	Long Văn Đông	Nam	17/08/1996	C510301	4	1	1	5,60
260	15,02043	Nguyễn Văn Đông	Nam	15/02/1996	C480201	21	2		7,30
261	15,0231	Ngô Hàng Thúy	Nam	05/02/1997	C510205	7	2NT		7,60
262	15,02793	Đỗ Dương	Nam	12/09/1997	C510301	11			6,30
263	15,00961	Võ Văn Đủ	Nam	17/08/1993	C540204	6	2NT		6,50
264	15,00951	Lê Huỳnh Đức	Nam	29/04/1997	C510205	10	2		6,50
265	15,01085	Lê Huỳnh Đức	Nam	04/06/1997	C510201	1	2	1	7,30
266	15,01092	Hồ Minh Đức	Nam	15/04/1997	C480201	5		3	6,30
267	15,01331	Nguyễn Hữu Đức	Nam	20/11/1997	C510205	14	2NT	1	6,70
268	15,01398	Nguyễn Trọng Đức	Nam	04/08/1997	C510205	12			6,80
269	15,01651	Huỳnh Đức	Nam	01/05/1997	C510205	7	2NT	1	6,70
270	15,01729	Lê Văn Đức	Nam	20/08/1997	C510301	14	1		6,40
271	15,01755	Nguyễn Trịnh Đạo	Nam	21/11/1996	C510301	15	3		6,50
272	15,01738	Phạm Hồng Đức	Nam	30/09/1997	C510205	7	1		6,40
273	15,01795	Lê Huỳnh Đức	Nam	13/09/1997	C510301	7	1		5,60
274	15,01844	Lê Đình Đức	Nam	16/04/1997	C510201	7			6,40
275	15,01864	Nguyễn Thanh Đức	Nam	31/07/1997	C510201	1	2		6,60
276	15,02162	Nguyễn Tấn Đức	Nam	29/08/1997	C510301	10	2NT		6,30
277	15,02851	Phạm Hữu Đức	Nam	14/08/1997	C510301	3	1		7,00
278	15,0197	Nguyễn Thành Được	Nam	30/05/1996	C510205	21	2NT		8,50
279	15,02183	Huỳnh Văn Được	Nam	23/11/1997	C480201	12			6,50
280	15,02608	Nguyễn Ghin	Nam	10/10/1997	C510201	7	1		6,90
281	15,0108	Tổng Giang	Nam	19/01/1997	C510201	2			6,50
282	15,01148	Phan Vũ Trường Giang	Nam	03/04/1997	C510301	7			6,30
283	15,01212	Lương Nhật Trường Giang	Nam	01/01/1994	C480201	14			5,50
284	15,01542	Nguyễn Thanh Giang	Nam	21/07/1997	C510206	3	2NT		6,30
285	15,01692	Lê Trường Giang	Nam	29/11/1997	C510201	7	2NT		6,70
286	15,01723	Trần Bảo Giang	Nam	26/09/1997	C480201	2	2NT		6,70
287	15,02104	Nguyễn Văn Giang	Nam	11/03/1997	C510301	7	1		6,60
288	15,02624	Võ Hoàng Giang	Nam	04/09/1997	C510301	4	2NT		7,60
289	15,0159	Đoàn Văn Giàu	Nam	20/06/1997	C510206	7	2		6,60
290	15,01002	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	25/04/1997	C540204	13	2NT		6,40
291	15,01035	Kinh Lâm Thu Hà	Nữ	15/09/1996	C540204	3	1		6,00
292	15,01521	Đặng Tiến Hà	Nam	05/06/1997	C510201	20	3		6,90
293	15,02519	Nguyễn Thị Bé Hà	Nữ	15/11/1996	C540204	8	1		5,90
294	15,01071	Nguyễn Văn Hải	Nam	24/10/1997	C480201	4	2NT	2	6,80
295	15,01229	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	20/03/1996	C510205	11		1	5,80
296	15,00891	Đỗ Chí Hải	Nam	29/08/1993	C510205	3	2NT		6,20
297	15,0096	Phan Duy Hải	Nam	23/09/1997	C510205	5	2NT	2	6,10
298	15,00973	Nguyễn Văn Hải	Nam	29/09/1997	C480201	14	1	1	6,10
299	15,00989	Hoàng Phước Hải	Nam	15/05/1997	C510205	4	2		6,00
300	15,01406	Bùi Văn Hải	Nam	21/02/1997	C480201	10	1		6,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
301	15,01476	Trần Chí Hải	Nam	10/04/1997	C510205	4	2NT		6,80
302	15,01728	Phan Anh Hải	Nam	28/02/1997	C480201	17	3		6,30
303	15,01964	Bùi Thanh Hải	Nam	04/01/1997	C510205	21			7,10
304	15,02141	Nguyễn Thanh Hải	Nam	16/05/1997	C510205	10	2		6,00
305	15,02189	Tân Trí Hải	Nam	15/05/1997	C510205	5			5,90
306	15,02018	Dương Thanh Hải	Nam	21/10/1997	C510201	7	1		6,70
307	15,02285	Lê Ngọc Hải	Nam	21/10/1996	C480201	4	1		6,40
308	15,02597	Phan Văn Hải	Nam	26/02/1997	C510201	8	2NT		6,70
309	15,01089	Mai Ngọc Hải	Nam	30/6/1996	C510201	1	2		6,00
310	15,02661	Đặng Thành Hải	Nam	04/12/1996	C510301	10	1		6,20
311	15,01349	Nguyễn Thị Lệ Hân	Nữ	25/05/1997	C480201	10			6,30
312	15,01418	Phạm Phúc Hân	Nam	09/12/1996	C510205	4	1		6,20
313	15,01846	Nguyễn Hân	Nữ	11/08/2015	C510205	6	1	1	7,00
314	15,01912	Nguyễn Chi Hân	Nam	21/02/1997	C510301	6	2NT		6,70
315	15,02198	Trương Ngọc Hân	Nữ	01/01/1997	C540204	6	2NT		6,40
316	15,02363	Trần Đức Hân	Nam	04/10/1997	C510205	10	2		5,90
317	15,02882	Nguyễn Minh Hân	Nam	01/05/1997	C480201	11			6,00
318	15,02802	Trần Thị Hằng	Nữ	07/10/1997	C540204	11	3		6,20
319	15,02555	Ngô Hồng Hạnh	Nam	10/06/1997	C510205	5	2NT		6,90
320	15,01347	Trương Đăng Hào	Nam	22/12/1997	C510201	1	2	1	7,40
321	15,02374	Lâm Thành Hào	Nam	26/04/1997	C510201	14	3		6,30
322	15,0242	Nguyễn Nhật Hào	Nam	28/07/1997	C510301	4	2NT		6,80
323	15,02632	Trần Đình Hào	Nam	22/8/1996	C510205	10	1		5,90
324	15,01221	Ngô Đình Hảo	Nam	03/03/1997	C510205	7	1	1	5,50
325	15,01256	Phạm Xuân Hảo	Nam	07/09/1997	C510301	5	1	1	6,20
326	15,02234	Lê Tuấn Hậu	Nam	01/02/1996	C510201	7	1		6,40
327	15,00923	Nguyễn Thanh Hậu	Nam	28/01/1995	C510206	7	2NT		6,00
328	15,01144	Nguyễn Vũ Xuân Hậu	Nam	17/06/1991	C510201	12	3		7,30
329	15,01556	Mai Nguyễn Hùng Hậu	Nam	08/05/1997	C510201	9	2NT		6,40
330	15,01734	Lê Đỗ Khắc Hậu	Nam	27/04/1997	C480201	14	3		6,40
331	15,01708	Hà Minh Hậu	Nam	18/10/1997	C510206	12	3		7,80
332	15,02078	Nguyễn Trung Hậu	Nam	20/05/1997	C510201	6	1		6,40
333	15,02249	Nguyễn Thanh Hậu	Nam	17/07/1997	C510205	11			7,20
334	15,02399	Phạm Thế Hậu	Nam	08/09/1997	C510301	7	1		6,30
335	15,02508	Ngô Văn Hậu	Nam	19/11/1994	C510205	2	2NT		6,60
336	15,02758	Huỳnh Công Hậu	Nam	10/09/1997	C510201	5	2NT		6,50
337	15,02798	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	17/04/1997	C510301	6	2NT	4	7,20
338	15,02726	Nguyễn Trọng Hiền	Nam	10/07/1996	C510205	21			7,60
339	15,00963	Nguyễn Văn Hiền	Nam	01/06/1997	C510301	9	2NT		6,70
340	15,0155	Nguyễn Như Hiền	Nam	13/09/1996	C510201	12	3		7,10
341	15,02649	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Nữ	30/05/1997	C540204	10	2NT		6,10
342	15,02535	Vũ Thị Thảo Hiền	Nữ	10/07/1996	C480201	7	2		6,70
343	15,02684	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	14/05/1997	C510205	11	2NT	1	7,20
344	15,0127	Lê Quang Hiền	Nam	10/02/1996	C510206	10	2NT		6,20

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
345	15,01166	Nguyễn Đại Hiệp	Nam	01/07/1996	C510206	4	3		7,10
346	15,01487	Nguyễn Lê Minh Hiệp	Nam	02/01/1996	C510301	1	2		6,50
347	15,01514	Phạm Hoàng Hiệp	Nam	31/12/1992	C510201	22	2	3	5,60
348	15,01702	Đặng Vũ Hiệp	Nam	09/11/1997	C510205	14	3		6,20
349	15,01944	Trần Đức Hiệp	Nam	30/06/1997	C510206	11	3		6,60
350	15,02262	Phạm Hoàng Hiệp	Nam	04/10/1997	C510205	7	1		6,40
351	15,02804	Võ Đoàn Hiệp	Nam	07/08/1997	C510205	10	1		5,80
352	15,00883	Trương Minh Hiếu	Nam	18/10/1997	C510205	12			7,10
353	15,01026	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	19/06/1996	C480201	17	3		6,10
354	15,0107	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	18/06/1997	C510205	2	2		6,80
355	15,01123	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	20/07/1997	C510201	7	3		6,40
356	15,01244	Trương Minh Hiếu	Nam	18/10/1997	C510201	12	3		7,10
357	15,01303	Đặng Công Hiếu	Nam	19/09/1996	C510301	3	1	2	6,60
358	15,01365	Trần Minh Hiếu	Nam	10/06/1997	C510201	10	1	1	6,00
359	15,01492	Võ Trung Hiếu	Nam	12/07/1997	C480201	16	3		6,50
360	15,01592	Nguyễn Xuân Hiếu	Nam	20/03/1997	C510205	1	1	1	6,30
361	15,01715	Mai Trọng Hiếu	Nam	08/01/1996	C510206	15	3		7,00
362	15,01677	Lê Trung Hiếu	Nam	04/04/1997	C510205	3	2NT		7,30
363	15,01675	Phạm Trung Hiếu	Nam	06/06/1997	C510205	2	2		6,70
364	15,02015	Phạm Trung Hiếu	Nam	16/11/1997	C510205	2			6,10
365	15,0202	Huỳnh Lê Trung Hiếu	Nam	13/10/1997	C510205	24			5,60
366	15,02048	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	13/10/1996	C510205	15	3		5,60
367	15,02229	Trương Công Hiếu	Nam	12/01/1997	C510301	8	1		6,50
368	15,02291	Đỗ Minh Hiếu	Nam	15/10/1997	C480201	20			7,20
369	15,02299	Lê Huy Hiếu	Nam	10/11/1997	C510205	1	2		7,30
370	15,02319	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	08/04/1997	C510301	13	2NT		7,20
371	15,02357	Lê Trọng Hiếu	Nam	07/07/1997	C510301	4	2NT		6,60
372	15,02382	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	18/12/1997	C510301	20	2		6,90
373	15,02343	Bùi Trung Hiếu	Nam	07/10/1997	C510205	3			7,20
374	15,01281	Nguyễn Tấn Hiếu	Nam	19/08/1996	C510205	4			5,90
375	15,026	Tô Văn Hiếu	Nam	13/03/1997	C510205	8	2NT		7,30
376	15,02648	Huỳnh Ngọc Hiếu	Nam	04/04/1997	C510205	13	2NT		6,80
377	15,02387	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	06/04/1997	C510205	10	2	6	6,10
378	15,02662	Đặng Công Hiếu	Nam	19/09/1996	C510301	3	1	2	6,60
379	15,02578	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	06/04/1997	C510205	10	2	6	6,10
380	15,02823	Võ Thanh Hiếu	Nam	21/05/1997	C510301	8	2NT		6,70
381	15,02012	Trần Công Hiệu	Nam	10/09/1997	C510301	7			6,80
382	15,02483	Võ Huy Hiệu	Nam	16/10/1996	C480201	7	2NT		5,80
383	15,02457	Phạm Long Hồ	Nam	14/01/1996	C480201	10	2NT		6,30
384	15,01053	Ngô Thị Hoa	Nữ	29/11/2015	C480201	4			6,80
385	15,01601	Trần Minh Hóa	Nam	09/06/1996	C510201	2	2NT		5,70
386	15,02105	Trần Thị Thu Hòa	Nữ	02/11/1997	C540204	4	2NT		6,40
387	15,025	Lê Văn Hòa	Nam	16/04/1997	C480201	6	1		6,30
388	15,0259	Lường Văn Hòa	Nam	08/08/1995	C510301	4	1	1	6,90

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
389	15,01263	Huỳnh Thị Hoài	Nữ	12/02/1997	C540204	4	2		6,40
390	15,01645	Trịnh Minh Hoài	Nam	05/06/1997	C510201	10	1		6,40
391	15,01796	Ngô Thị Hoài	Nữ	05/12/1996	C540204	24	1	6	7,40
392	15,01833	Trịnh Minh Hoài	Nam	05/06/1997	C510201	10	1		6,40
393	15,02037	Đào Duy Hoài	Nam	28/03/1996	C510301	5			7,20
394	15,02799	Hồ Phước Hoài	Nam	10/03/1996	C510205	7	1	1	6,70
395	15,02086	Trương Khải Hoàn	Nam	01/10/1996	C510206	4			5,90
396	15,01676	Đinh Thị Hoàn	Nữ	10/03/1997	C480201	7	1		5,50
397	15,01011	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	25/12/1997	C510201	10			6,70
398	15,01122	Tạ Công Hoàng	Nam	01/08/1997	C510201	4			6,50
399	15,01306	Phạm Văn Hoàng	Nam	24/03/1997	C510301	9	2NT	1	6,50
400	15,01475	Trần Minh Hoàng	Nam	18/12/1997	C510205	2	2NT		6,60
401	15,01628	Lê Tuấn Anh Hoàng	Nam	01/08/1996	C510301	4			6,30
402	15,01724	Tạ Công Hoàng	Nam	01/08/1997	C510201	4	2NT		6,50
403	15,01849	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	17/03/1997	C510301	5	2NT		5,80
404	15,0191	Phạm Duy Hoàng	Nam	19/09/1996	C510205	6	3		8,00
405	15,01957	Trần Ngọc Hoàng	Nam	06/12/1993	C510205	2	1		6,70
406	15,0208	Nguyễn Trọng Hoàng	Nam	01/07/1997	C510205	2			6,60
407	15,02134	Tạ Công Hoàng	Nam	01/08/1997	C510201	4	2NT		6,50
408	15,02419	Đặng Khánh Hoàng	Nam	10/11/1997	C510205	7			6,20
409	15,02581	Nguyễn Hoàng	Nam	15/08/1996	C510205	20	2		6,80
410	15,02594	Lưu Thiên Hoàng	Nam	22/03/1997	C510201	9	2NT		6,50
411	15,02814	Nguyễn Kế Hoàng	Nam	24/07/1996	C510205	1	1		6,80
412	15,01574	Nguyễn Đại Thoại Hoàn	Nam	12/05/1997	C510201	20	3		6,60
413	15,00929	Nguyễn Thanh Học	Nam	21/07/1997	C510205	2	1		7,00
414	15,02521	Hoàng Thị Hòe	Nữ	23/05/1997	C540204	4	1		5,80
415	15,02827	Lê Văn Hòe	Nam	12/04/1997	C510205	8	1		6,10
416	15,02888	Đỗ Văn Hơ	Nam	02/02/1997	C480201	6	1	1	6,40
417	15,01409	Lương Chấn Hồng	Nam	26/05/1997	C480201	19	3		7,30
418	15,01777	Phạm Văn Hồng	Nam	06/09/1997	C510301	2	2NT	2	7,30
419	15,02113	Nguyễn Văn Hồng	Nam	03/10/1997	C480201	3			6,40
420	15,02022	Mai Thị Cẩm Hồng	Nữ	26/11/1997	C540204	9	3		6,70
421	15,01902	Phạm Văn Hồng	Nam	06/09/1997	C510301	2	2NT		7,30
422	15,02008	Nguyễn Hợp	Nam	06/11/1997	C510205	24			6,50
423	15,02408	Trương Quốc Huấn	Nam	19/02/1997	C510301	7	2NT		6,20
424	15,01051	Trần Quốc Hùng	Nam	16/02/1997	C510201	4	2		5,90
425	15,01425	Bùi Mạnh Hùng	Nam	26/04/1993	C480201	10		1	5,50
426	15,01388	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	15/01/1997	C480201	15	3		6,00
427	15,01751	Huỳnh Trương Mạnh Hùng	Nam	08/05/1997	C510205	16	3		7,40
428	15,01691	Nguyễn Minh Hùng	Nam	07/04/1997	C510205	12	3		6,50
429	15,01789	Huỳnh Chí Hùng	Nam	05/11/1997	C480201	9	2NT		6,80
430	15,01989	Lâm Kim Hùng	Nam	02/08/1995	C510205	11			6,00
431	15,02077	Hà Thanh Hùng	Nam	10/08/1997	C510206	12			6,80
432	15,02161	Trần Đình Hùng	Nam	30/04/1996	C510205	10	1		6,30

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
433	15,02599	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	07/04/1996	C510205	8			7,20
434	15,02466	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	20/06/1997	C510205	1	1	1	6,00
435	15,02699	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	29/09/1994	C510301	8	1	1	6,60
436	15,0277	Nguyễn Kim Hùng	Nam	02/09/1997	C510205	5			7,10
437	15,01154	Lê Thanh Hưng	Nam	13/10/1996	C510301	3	2		6,20
438	15,01375	Lê Thanh Hưng	Nam	24/04/1997	C510205	7	1		6,20
439	15,01466	Nguyễn Đức Hưng	Nam	15/09/1997	C510205	4	1	1	6,10
440	15,01444	Trần Nam Hưng	Nam	25/12/1997	C480201	15			6,70
441	15,01609	Huỳnh Trung Hưng	Nam	25/09/1997	C510205	6	2NT		7,60
442	15,02398	Phạm Trung Hưng	Nam	30/01/1997	C510201	9	2NT		6,20
443	15,02485	Nguyễn Thanh Hưng	Nam	09/09/1997	C480201	1	2		6,50
444	15,02621	Trần Xuân Hưng	Nam	22/10/1997	C510201	10	2NT		6,20
445	15,02588	Phạm Tân Hưng	Nam	25/06/1997	C510301	10			6,30
446	15,02707	Nguyễn Thành Hưng	Nam	29/11/1995	C510206	20			5,90
447	15,02736	Lê Anh Hưng	Nam	26/11/1997	C510201	10	2		6,20
448	15,00908	Lương Đăng Nhất Hương	Nữ	09/10/1995	C540204	14	3		6,80
449	15,02768	Nguyễn Xuân Hương	Nam	24/3/1996	C510201	1			6,40
450	15,00859	Nguyễn Quang Hữu	Nam	16/10/1995	C480201	4	2NT		6,90
451	15,00981	Lê Hữu	Nam	07/03/1997	C510205	15	1	1	6,00
452	15,01602	Hồ Thanh Hữu	Nam	17/10/1997	C510201	10			6,10
453	15,01949	Thiều Quốc Hữu	Nam	25/08/1997	C510201	10	2NT		6,40
454	15,02255	Lê Hoàng Hữu	Nam	19/02/1997	C510301	6	1		7,20
455	15,00985	Nguyễn Đỗ Quang Huy	Nam	22/11/1997	C480201	14	3		6,20
456	15,01029	Nguyễn Ngọc Quang Huy	Nam	23/05/1997	C540204	2	1		6,20
457	15,01159	Đỗ Đức Huy	Nam	22/12/1996	C480201	6	3		6,90
458	15,01192	Nguyễn Khắc Huy	Nam	21/09/1997	C510201	19			7,00
459	15,012	Nguyễn Quốc Huy	Nam	20/10/1997	C480201	3	3		7,20
460	15,01245	Đỗ Nguyễn Gia Huy	Nam	04/08/1997	C510201	12	3		7,00
461	15,0132	Châu Quốc Huy	Nam	31/05/1997	C510205	7	2NT		6,20
462	15,01431	Đặng Khánh Huy	Nam	14/05/1997	C510301	1	1		7,30
463	15,01455	Nguyễn Đức Huy	Nam	05/06/1997	C510301	17	3		6,20
464	15,01559	Lý Gia Huy	Nam	12/09/1996	C510205	1			5,90
465	15,01553	Nguyễn Phước Huy	Nam	11/12/1997	C510205	11	2NT	1	5,80
466	15,01603	Huỳnh Vinh Huy	Nam	08/01/1995	C480201	10	1		6,00
467	15,01845	Nguyễn Quang Huy	Nam	16/10/1997	C480201	12	3		6,80
468	15,0189	Nguyễn Công Huy	Nam	10/09/1996	C510201	6	2		6,70
469	15,01915	Vũ Ngọc Huy	Nam	02/01/1997	C510206	7	2		6,60
470	15,01975	Nguyễn Gia Huy	Nam	30/04/1997	C480201	22	3		6,30
471	15,02088	Trần Bảo Huy	Nam	02/08/1994	C510301	5	2NT		7,00
472	15,02257	Mai Bá Huy	Nam	25/03/1997	C510201	11	2NT		7,30
473	15,02268	Võ Đức Huy	Nam	03/4/1997	C510205	5	2NT		6,10
474	15,01267	Nguyễn Ngọc Quang Huy	Nam	23/05/1997	C510301	2	1		6,90
475	15,02377	Đỗ Thành Huy	Nam	16/03/1996	C510201	6			6,60
476	15,02502	Đỗ Huy	Nam	19/01/1997	C480201	4	1		6,30

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
477	15,0262	Nguyễn Quốc Huy	Nam	28/6/1997	C510201	3			7,00
478	15,02614	Phan Bảo Huy	Nam	04/09/1995	C480201	15	1		5,90
479	15,01848	Đặng Tuấn Huy	Nam	12/06/1995	C510205	1	1		7,50
480	15,02717	Hà Gia Huy	Nam	15/11/1997	C510205	16			5,90
481	15,02839	Đoàn Minh Huy	Nam	18/01/1996	C510301	3	2NT		5,50
482	15,02862	Vương Lâm Huy	Nam	14/04/1997	C510201	1	2NT		6,10
483	15,02866	Đỗ Lương Diệp Huy	Nam	01/05/1997	C510205	11	2NT	1	6,70
484	15,02806	Đoàn Minh Huy	Nam	18/01/1996	C510205	3	2NT		5,50
485	15,02024	Lê Tuấn Huyền	Nam	08/11/1997	C510201	11	1		6,20
486	15,00853	Lê Thị Huyền	Nữ	23/04/1996	C480201	7	1		6,50
487	15,01095	Lâm Thị Ngọc Huyền	Nữ	12/11/1996	C540204	5	2NT	1	6,30
488	15,01594	Lê Thị Ngọc Huyền	Nữ	16/12/1997	C540204	9	2NT		6,90
489	15,01547	Trần Cảnh Huyền	Nam	03/05/1997	C510205	6	2		6,40
490	15,01557	Nguyễn Kim Huynh	Nam	10/09/1997	C480201	3	2		6,10
491	15,02245	Nguyễn Minh Đình Huynh	Nam	22/8/1997	C510205	3			6,40
492	15,02566	Mahmoud Ilyas	Nam	11/06/1997	C510201	4	2NT	1	6,50
493	15,01106	Trương Minh Kha	Nam	29/10/1997	C480201	7	2NT	1	6,10
494	15,01778	Phạm Hoàng Kha	Nam	09/12/1997	C510205	8			6,20
495	15,02631	Đoàn Minh Kha	Nam	12/10/1996	C510201	9	2NT		6,50
496	15,0092	Nguyễn Anh Khải	Nam	27/05/1997	C510206	11	2	2	6,40
497	15,00992	Lương Hoàng Khải	Nam	04/08/1997	C510205	1			6,00
498	15,01763	Phan Văn Khải	Nam	13/09/1997	C510205	1	1		6,30
499	15,02242	Hà Quốc Khải	Nam	25/07/1997	C480201	22	2		6,10
500	15,02813	Nguyễn Tấn Khải	Nam	05/05/1997	C510205	3			6,50
501	15,01025	Lê Tuấn Khang	Nam	01/11/1997	C510301	1			6,20
502	15,01788	Lê Thanh Khang	Nam	30/06/1997	C510205	2	2NT		6,60
503	15,01896	Nguyễn Đình Khang	Nam	27/12/1997	C510205	9	1		6,30
504	15,01958	Nguyễn Trí Khang	Nam	24/04/1997	C510205	15	3		6,50
505	15,02124	Lê Gia Khang	Nam	04/10/1996	C510205	1	2		6,70
506	15,01822	Trần Thanh Khang	Nam	27/04/1997	C510201	8	2NT		6,20
507	15,02292	Nguyễn Hoàng Khang	Nam	19/02/1996	C510201	9	2NT		6,30
508	15,01859	Nguyễn Phạm An Khang	Nam	27/11/1997	C510205	5	2NT		7,20
509	15,0236	Huỳnh Trung Khang	Nam	24/12/1996	C510301	21	2		6,80
510	15,02558	Mai Bảo Khang	Nam	10/05/1997	C480201	7			5,90
511	15,01066	Ngô Châu Khanh	Nam	18/06/1997	C510301	3	2NT		7,30
512	15,0125	Trần Chí Khanh	Nam	20/03/1996	C510205	7			7,70
513	15,0146	Nguyễn Bình Khanh	Nam	28/09/1997	C510201	10	1	1	6,50
514	15,01688	Huỳnh Công Khanh	Nam	16/10/1996	C510205	6	1		6,60
515	15,02336	Lê Vũ Khanh	Nam	25/07/1997	C510201	7	2NT		7,00
516	15,02705	Huỳnh Công Khanh	Nam	29/11/1995	C510206	20			7,30
517	15,02825	Nguyễn Bình Khanh	Nam	28/09/1997	C510301	10	2NT		6,50
518	15,01177	Nguyễn Trung Khánh	Nam	11/11/1996	C480201	7			5,80
519	15,01202	Âu Nguyễn Duy Khánh	Nam	21/06/1996	C510205	2	2NT		5,80
520	15,01305	Nguyễn Bảo Khánh	Nam	16/01/1996	C510301	1	1		6,60

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
521	15,01334	Triệu Minh Khánh	Nam	27/10/1997	C510205	9	2NT		7,10
522	15,01533	Nguyễn Đăng Khánh	Nam	24/08/1996	C510205	21	2		5,60
523	15,0171	Diếp Minh Khánh	Nam	01/04/1997	C510205	7	2NT		6,50
524	15,01772	Nguyễn Thị Kim Khánh	Nữ	31/07/1997	C540204	15	3		7,30
525	15,01903	Trần Duy Khánh	Nam	13/12/1996	C510205	11			6,90
526	15,02095	Võ Duy Khánh	Nam	02/8/1997	C510206	11			6,30
527	15,01878	Nguyễn Duy Khánh	Nam	20/06/1997	C510205	4			7,20
528	15,01862	Trần Quốc Khánh	Nam	22/07/1997	C510201	12	2NT		6,10
529	15,02464	Huỳnh Văn Duy Khánh	Nam	03/07/1997	C510205	9	2NT		6,20
530	15,02516	Phạm Nhật Khánh	Nam	15/08/1996	C510205	4	1		6,50
531	15,00903	Đặng Sỹ Khoa	Nam	05/03/1997	C480201	5	2NT		6,20
532	15,01314	Võ Anh Khoa	Nam	23/10/1997	C510301	6	3		6,30
533	15,01509	Tiêu Đoàn Anh Khoa	Nam	19/05/1997	C510205	9	2NT		7,90
534	15,01638	Chế Anh Khoa	Nam	19/11/1997	C510205	3	2NT		6,40
535	15,01985	Phạm Anh Khoa	Nam	03/08/1996	C510205	11	1		6,80
536	15,02087	Phạm Đăng Khoa	Nam	22/11/1995	C510301	12	2NT		6,10
537	15,02492	Lại Nguyễn Đăng Khoa	Nam	19/08/1997	C510201	5			6,30
538	15,02557	Nguyễn Hoàng Khoa	Nam	17/06/1997	C510205	5	2NT		7,40
539	15,02692	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	03/05/1997	C510301	4			6,20
540	15,02781	Phạm Đăng Khoa	Nam	09/11/1997	C510205	4	2NT		6,70
541	15,02846	Trần Đăng Khoa	Nam	12/10/1997	C510205	7	1		6,20
542	15,02636	Lý Minh Khôi	Nam	09/04/1996	C510301	8	1		6,60
543	15,02606	Nguyễn Nguyên Khôi	Nam	21/02/1997	C510205	21	2		6,60
544	15,02394	Trần Quang Khôi	Nam	13/02/1997	C510205	3			6,90
545	15,01235	Nguyễn Hữu Khương	Nam	26/09/1995	C510201	21	2NT	1	6,40
546	15,01392	Nguyễn Hữu Khương	Nam	26/09/1995	C510201	21	2		6,40
547	15,01543	Nguyễn Quý Tấn Khương	Nam	18/05/1997	C510205	12	3		6,00
548	15,02876	Phạm Tuấn Khương	Nam	15/04/1997	C480201	5	2NT	1	7,00
549	15,01233	Bùi Trung Kiên	Nam	11/07/1997	C480201	21	2NT	1	7,10
550	15,01109	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	20/05/1997	C510205	4	1		7,30
551	15,01506	Trần Anh Kiệt	Nam	05/05/1997	C510206	6	2NT		6,60
552	15,01668	Phan Vũ Kiệt	Nam	07/11/1997	C510205	3	2NT		6,60
553	15,01895	Lê Anh Kiệt	Nam	03/12/1994	C510301	22	2NT		6,10
554	15,02119	Đinh Minh Kiệt	Nam	25/03/1997	C510205	7			5,90
555	15,02049	Văn Tấn Kiệt	Nam	19/10/1997	C510205	11	2NT		6,40
556	15,02456	Văn Tấn Kiệt	Nam	19/10/1997	C510205	11	2NT		6,40
557	15,01946	Trương Phi Kiệt	Nam	18/12/1997	C510301	21	2		6,10
558	15,02695	Trần Quốc Kiệt	Nam	13/12/1997	C480201	4	2NT		6,40
559	15,01222	H'Lan Ksor	Nữ	20/11/1995	C540204	2	2	2	6,90
560	15,01616	Trần Văn Kỳ	Nam	05/12/1997	C480201	10			6,20
561	15,02529	Trương Mạnh Kỳ	Nam	19/02/1997	C510205	5	2NT		7,30
562	15,02873	Nguyễn Đào Cao Kỳ	Nam	15/06/1996	C510201	7	2		6,40
563	15,02475	Phạm Ngọc Lai	Nam	22/02/1996	C510205	2	1		7,00
564	15,01057	Bùi Bảo Lâm	Nam	31/12/1997	C510301	2	1		7,20

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
565	15,0178	Nguyễn Phương Lâm	Nam	24/01/1996	C480201	8			6,50
566	15,01797	Trần Văn Lâm	Nam	04/10/1997	C480201	1	2		7,30
567	15,01909	Đặng Tấn Lâm	Nam	10/02/1997	C480201	8	2NT		6,10
568	15,02013	Nguyễn Phúc Quang Lâm	Nam	04/04/1997	C510205	13			6,60
569	15,02252	Đặng Vĩnh Lâm	Nam	01/02/1997	C510205	13	2NT		6,20
570	15,02482	Phan Thanh Lâm	Nam	07/04/1996	C510205	2	1		6,30
571	15,02515	Đinh Ngọc Lâm	Nam	12/01/1997	C510301	10			6,00
572	15,02437	Đào Ngọc Lâm	Nam	25/02/1997	C510205	6	1		6,10
573	15,02604	Nguyễn Cao Kỳ Lâm	Nữ	20/08/1996	C510201	7	1	1	6,50
574	15,02727	Nguyễn Hoàng Lâm	Nam	02/06/1997	C510301	22			5,60
575	15,02843	Lê Tùng Lâm	Nam	26/09/1997	C510205	2	2NT		6,00
576	15,02895	Nguyễn Thành Lâm	Nam	23/03/1997	C510201	4	2NT		7,10
577	15,01107	Lê Duy Lâm	Nam	03/07/1997	C510205	12	3	1	7,30
578	15,0124	Lê Duy Lâm	Nam	03/01/1997	C510205	12	3		7,50
579	15,01439	Huỳnh Tấn Lâm	Nam	28/02/1997	C510205	2	2NT	1	6,70
580	15,0176	Trương Quốc Lâm	Nam	10/10/1997	C510301	1	3		7,40
581	15,02749	Lê Thanh Lâm	Nam	15/12/1997	C540204	11	2NT		6,50
582	15,0224	Lê Quang Ngọc Lễ	Nam	02/06/1996	C480201	16	3		6,30
583	15,01189	Hồ Ngọc Lênh	Nam	12/09/1997	C510301	4	1	6	6,20
584	15,0196	Lê Thanh Lịch	Nam	28/01/1997	C480201	3	2		6,10
585	15,0193	Đào Minh Liêm	Nam	20/11/1997	C510205	8	2NT		6,70
586	15,02493	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	25/01/1997	C510205	2	1		6,20
587	15,02552	Nguyễn Sỹ Liêm	Nam	06/09/1997	C510301	5	2NT		7,70
588	15,02518	Phạm Duy Liêu	Nam	15/11/1997	C510205	6	2NT		6,20
589	15,00828	Phan Phương Linh	Nữ	14/12/1995	C540204	5	2NT		6,90
590	15,01214	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	22/04/1997	C480201	10	3		6,00
591	15,01216	Vũ Lê Phương Linh	Nữ	16/10/1997	C480201	12	3		7,60
592	15,01355	Trịnh Hoài Linh	Nam	11/08/1997	C510301	1			6,30
593	15,01812	Phạm Nguyễn Hoài Linh	Nam	27/03/1997	C510301	2	1		5,60
594	15,01924	Nguyễn Vũ Linh	Nam	22/01/1996	C510201	7	1		6,20
595	15,01969	Trần Phước Chiêu Linh	Nam	27/10/1996	C510205	21	2NT		6,20
596	15,02027	Lê Văn Linh	Nam	28/03/1996	C510201	13	2		6,60
597	15,02114	Nguyễn Chí Linh	Nam	19/12/1995	C510205	10	1		6,20
598	15,01905	Phạm Chí Linh	Nam	10/04/1996	C510206	11	1	1	6,00
599	15,02295	Nguyễn Hoàng Linh	Nam	06/05/1996	C510205	13	2NT		6,60
600	15,02381	Trần Nhất Linh	Nam	28/03/1997	C510206	3	2NT		6,20
601	15,02433	Trần Khánh Linh	Nam	04/08/1997	C510301	10	2		6,50
602	15,02335	Nguyễn Thanh Bảo Linh	Nam	14/09/1995	C480201	10	2		6,60
603	15,02591	Đinh Văn Linh	Nam	10/09/1997	C510201	2			7,20
604	15,02676	Khâu Trịnh Mỹ Linh	Nữ	20/09/1997	C540204	9			6,10
605	15,02848	Võ Tuấn Linh	Nam	19/07/1997	C510201	11	1		6,50
606	15,02883	Ngô Tấn Linh	Nam	24/03/1996	C510205	5	2NT		6,00
607	15,029	Hoàng Trọng Linh	Nam	20/10/1996	C510206	4			7,00
608	15,01828	Châu Thị Kim Loan	Nữ	22/09/1996	C540204	9	2NT		7,40

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
609	15,00958	Hồ Bảo Lộc	Nam	13/10/1997	C510205	9	2NT		5,70
610	15,01124	Trần Quốc Lộc	Nam	16/02/1996	C510201	6	3		6,60
611	15,01257	Lê Xuân Lộc	Nam	19/01/1997	C510206	11	2		6,10
612	15,01323	Nguyễn Gia Lộc	Nam	28/08/1995	C510301	9	2		6,20
613	15,01569	Nguyễn Phước Lộc	Nam	03/02/1995	C510301	7			6,40
614	15,01712	Huỳnh Thiên Lộc	Nam	02/05/1997	C510301	22			6,20
615	15,01956	Phạm Tấn Lộc	Nam	28/10/1997	C480201	14	3		6,60
616	15,02026	Nguyễn Gia Lộc	Nam	28/08/1995	C480201	9			6,20
617	15,01857	Nguyễn Phước Lộc	Nam	29/04/1997	C510301	4	2NT		6,20
618	15,02308	Mai Hữu Lộc	Nam	23/11/1996	C510206	4			5,90
619	15,0249	Mai Đỗ Lộc	Nam	22/03/1997	C510301	5	2NT		6,60
620	15,02348	Ngô Xuân Lộc	Nam	04/11/1997	C510301	9			6,60
621	15,02666	Trương Tấn Lộc	Nam	03/02/1997	C510301	21	2		5,70
622	15,02763	Huỳnh Xuân Lộc	Nam	28/09/1997	C510201	7	1		6,70
623	15,01459	Phan Tấn Lợi	Nam	05/09/1997	C510201	4	2NT		7,20
624	15,01689	Lê Tấn Lợi	Nam	22/10/1996	C510201	7			6,10
625	15,01747	Lê Thành Lợi	Nam	22/11/1997	C510205	15			6,20
626	15,01948	Nguyễn Hữu Lợi	Nam	02/06/1997	C510201	15	3		7,10
627	15,02214	Lê Tấn Lợi	Nam	22/10/1996	C510201	7			6,10
628	15,02809	Đoàn Công Lợi	Nam	10/10/1997	C480201	5	2NT	1	6,50
629	15,00879	Phạm Thanh Long	Nam	08/04/1997	C480201	4	1		7,00
630	15,00902	Mai Ngọc Long	Nam	12/04/1997	C510301	13	2NT		6,80
631	15,01101	Nguyễn Thế Long	Nam	15/02/1994	C510301	1	3		5,50
632	15,01118	Trần Phi Long	Nam	09/03/1997	C510301	2	2		6,10
633	15,01194	Dương Bảo Long	Nam	23/01/1997	C510201	8	3		6,10
634	15,01445	Nguyễn Hoàng Long	Nam	29/05/1997	C510205	19	3		6,70
635	15,01191	Nguyễn Tiến Long	Nam	17/12/1995	C510205	12	3		5,90
636	15,01539	Nguyễn Đức Long	Nam	14/01/1997	C510201	5	1	4	6,90
637	15,01836	Trần Thanh Long	Nam	26/01/1996	C540204	8	1		6,70
638	15,01916	Đỗ Ngọc Long	Nam	10/08/1997	C510301	15	3		5,60
639	15,01932	Nguyễn Hoàng Phi Long	Nam	31/12/1997	C480201	7			7,00
640	15,01955	Huỳnh Bá Long	Nam	15/01/1997	C480201	4	3		6,20
641	15,02182	Sú Chấn Long	Nam	18/05/1997	C510301	7	1		6,40
642	15,01223	Cao Phi Long	Nam	27/03/1997	C510205	5	2NT		6,80
643	15,02306	Nguyễn Hoàng Long	Nam	01/03/1997	C510301	7	1		6,50
644	15,02318	Nguyễn Hoàng Long	Nam	21/04/1997	C510301	5	1		6,40
645	15,02367	Huỳnh Lê Thanh Long	Nam	16/06/1997	C510201	7	2NT		6,80
646	15,02603	Đặng Hoàng Long	Nam	01/06/1997	C510301	21			7,10
647	15,02663	Lê Hoàng Long	Nam	04/08/1997	C510205	21			6,60
648	15,02753	Nguyễn Hà Phi Long	Nam	29/11/1997	C510301	19	3		6,00
649	15,02782	Nông Thắm Thanh Long	Nam	01/01/1995	C510205	2	3	1	6,20
650	15,02791	Nguyễn Đắc Long	Nam	25/12/1997	C510205	2			6,40
651	15,01164	Nguyễn Minh Luân	Nam	10/03/1997	C480201	3	1		5,90
652	15,01112	Trần Văn Luân	Nam	26/07/1997	C510205	5	2NT	1	6,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
653	15,01458	Trương Minh Luân	Nam	09/11/1997	C510301	14			6,20
654	15,01513	Trịnh Huỳnh Thành Luân	Nam	25/05/1996	C540204	10	1	1	6,20
655	15,0221	Nguyễn Đăng Luân	Nam	30/09/1997	C510201	15	1		6,50
656	15,02154	Nguyễn Vũ Luân	Nam	28/12/1995	C510301	21	2		6,30
657	15,01894	Nguyễn Vũ Luân	Nam	28/12/1995	C510201	21	2	1	6,30
658	15,02424	Nguyễn Công Luân	Nam	14/11/1996	C510201	1			6,50
659	15,02494	Nguyễn Huỳnh Luân	Nam	23/07/1997	C510205	13			6,10
660	15,02392	Nguyễn Văn Luân	Nam	09/09/1997	C510206	4	2NT		6,60
661	15,02859	Phạm Minh Luân	Nam	17/11/1996	C480201	1	1		7,30
662	15,02742	Lê Sinh Luậ	Nam	31/10/1997	C510205	1	1		6,30
663	15,01005	Phạm Quang Luậ	Nam	01/09/1997	C480201	14	3		7,10
664	15,01059	Lê Đăng Vũ Lực	Nam	04/09/1997	C510205	9	1		6,10
665	15,01684	Huỳnh Tấn Lực	Nam	26/04/1997	C510205	19	3		6,40
666	15,01597	Nguyễn Tấn Lực	Nam	12/10/1997	C510205	10	2NT		6,50
667	15,01696	Nguyễn Thái Lực	Nam	30/05/1997	C510205	1	2		7,30
668	15,01627	Mai Trung Lương	Nam	20/10/1997	C510201	10			6,30
669	15,01416	Phạm Minh Lưu	Nam	13/06/1996	C510205	3	1		6,40
670	15,01038	Văn Tiến Luyện	Nam	31/08/1996	C510201	3	1		6,20
671	15,02328	Bùi Thanh Công Lý	Nam	18/05/1996	C480201	10	2NT		5,70
672	15,02023	Phạm Thị Quỳnh Mai	Nữ	29/06/2015	C540204	10	2NT		6,10
673	15,02102	Nguyễn Mẫn	Nam	10/08/2015	C510201	8	2NT		6,00
674	15,01952	Vũ Bá Mạnh	Nam	10/06/1997	C510201	8			6,70
675	15,02412	Đặng Hữu Mạnh	Nam	22/01/1996	C510201	15	2		7,30
676	15,02685	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	19/10/1994	C510206	1	2NT		7,20
677	15,02414	Trịnh Hữu Mến	Nam	20/8/1997	C510201	10	1		6,00
678	15,01078	Vòng Dịch Minh	Nam	28/03/1997	C510205	19	3		6,10
679	15,01133	Châu Nhật Minh	Nam	28/10/1996	C510201	3	2NT		6,10
680	15,01448	Ngô Trường Minh	Nam	09/12/1997	C510205	14	3		6,60
681	15,01435	Nguyễn Công Minh	Nam	05/11/1996	C510201	10	2	1	6,10
682	15,01432	Hồ Minh	Nam	18/09/1997	C510205	4	1	1	6,20
683	15,01423	Trương Ngọc Minh	Nam	18/03/1997	C510205	4	1	1	6,30
684	15,01768	Huỳnh Tấn Duy Minh	Nam	14/07/1997	C510205	16	3		7,20
685	15,0165	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	31/12/1996	C510205	5	2NT		5,70
686	15,01682	Nguyễn Quang Minh	Nam	11/01/1997	C510205	15	3		5,50
687	15,01639	Phạm Anh Minh	Nam	09/10/1997	C510205	22			5,90
688	15,01784	Nguyễn Nhựt Minh	Nam	05/11/1997	C510205	19			7,00
689	15,01904	Nguyễn Lê Trung Minh	Nam	09/03/1996	C480201	18	3		6,40
690	15,01914	Phạm Anh Minh	Nam	09/10/1997	C510205	22			5,90
691	15,02243	Ngô Lê Minh	Nam	30/03/1996	C510301	16	3		6,40
692	15,02294	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	21/10/1996	C510201	5	3		7,70
693	15,02315	Nguyễn Văn Minh	Nam	23/01/1997	C510205	12			6,00
694	15,02176	Đinh Nhật Minh	Nam	22/03/1997	C510205	8	2NT		6,90
695	15,02147	Ngô Công Minh	Nam	05/11/1997	C510201	8	2NT		6,10
696	15,02514	Ngô Quang Minh	Nam	15/09/1997	C480201	1			6,90

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
697	15,02337	Nguyễn Nhựt Minh	Nam	05/11/1997	C510205	19			7,00
698	15,02626	Võ Công Minh	Nam	15/07/1997	C510301	4	2NT		6,20
699	15,02617	Vương Krông Hồng	Nam	24/04/2015	C480201	8	1	1	5,65
700	15,01545	Vòng Khải	Nam	22/04/1996	C510205	4	2		6,30
701	15,01622	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	31/12/1996	C510205	5	2NT		5,70
702	15,02714	Nguyễn Phi Minh	Nam	12/08/1995	C510301	17	3		7,00
703	15,02769	Trần Nhật Minh	Nam	22/10/1997	C510205	11	1		7,60
704	15,01399	Đỗ Hoài Mộng	Nữ	08/03/1997	C540204	4	1		5,80
705	15,02385	Tô Vinh Mươi	Nam	16/06/1997	C510201	6			5,80
706	15,01333	Võ Huỳnh Thị Trà	Nữ	16/07/1997	C540204	5	2NT		7,10
707	15,01479	Võ Thị Diệu	Nữ	14/06/1997	C540204	8	1		6,00
708	15,01576	Nguyễn Hải	Nữ	19/02/1997	C480201	17	3		5,80
709	15,0229	Lê Thị Diễm	Nữ	02/07/1997	C540204	5	2NT		7,70
710	15,00946	Nguyễn Hoài	Nam	02/01/1997	C510205	3	1		6,20
711	15,00999	Trần Văn	Nam	28/07/1997	C510201	6			7,20
712	15,01006	Nguyễn Sinh	Nam	01/09/1994	C510301	19	3		5,50
713	15,01266	Võ Hoài	Nam	24/10/1997	C510205	2	2		6,00
714	15,01582	Nguyễn Phương	Nam	28/12/1997	C510201	6			7,10
715	15,02058	Phạm Hoài	Nam	08/07/1997	C480201	8	2NT		7,00
716	15,02005	Nguyễn Hoài	Nam	27/07/1992	C480201	10	2NT		6,20
717	15,02065	Nguyễn Ngọc	Nam	01/07/1996	C510205	22	2NT		6,80
718	15,02003	Nguyễn Quốc	Nam	10/03/1997	C510205	10			6,00
719	15,0225	Bùi Thọ Hoàng	Nam	13/03/1989	C480201	10	3		5,70
720	15,02278	Phan Nguyễn Hoài	Nam	23/03/1997	C510201	19	3		6,00
721	15,02289	Nguyễn Phương	Nam	28/12/1997	C510201	6	1		7,10
722	15,02406	Phạm Duy	Nam	03/07/1997	C510301	2	2		6,40
723	15,02491	Nguyễn Sơn	Nam	13/11/1996	C510206	1	2		6,70
724	15,02561	Lương Bá	Nam	30/04/1997	C510206	7	2NT		5,70
725	15,02734	Đỗ Hoài	Nam	19/01/1996	C510205	3			6,20
726	15,02738	Nguyễn Hoàng	Nam	20/09/1997	C510301	15	3		6,50
727	15,02829	Phạm Thành	Nam	02/10/1997	C480201	1	2		6,50
728	15,02833	Nguyễn Phương	Nam	28/09/1997	C510301	12	3		7,60
729	15,02076	Nguyễn Xuân	Ngà	01/06/1997	C510201	4	2		6,50
730	15,01898	Nguyễn Nhật	Ngân	25/05/1997	C480201	17	3		7,20
731	15,02506	Nguyễn Thị Kim	Nữ	12/02/1997	C540204	9	2NT		6,30
732	15,02674	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	22/01/1997	C540204	9	2NT		6,20
733	15,02885	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	08/01/1997	C510301	3	2NT		6,40
734	15,01258	Nguyễn Thị Minh	Nghị	28/02/1997	C540204	10	1		6,50
735	15,0246	Trần Thanh	Nghị	28/09/1997	C510205	11			6,80
736	15,01201	Đào Trọng	Nghĩa	Nam	18/07/1997	C510301	8	2NT	7,00
737	15,01326	Huỳnh Quốc	Nghĩa	Nam	10/01/1997	C510201	10	2NT	5,50
738	15,01342	Phan Hữu	Nghĩa	Nam	15/05/1997	C510201	19	3	6,70
739	15,01404	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	01/11/1997	C510205	4	2NT	6,60
740	15,016	Nguyễn Thành	Nghĩa	Nam	15/02/1997	C510205	10	2NT	6,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
741	15,01716	Trần Văn Nghĩa	Nam	25/10/1996	C510301	9	2NT		6,30
742	15,02251	Trần Trọng Nghĩa	Nam	24/01/1997	C510205	13	2NT		6,40
743	15,02236	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	26/07/1997	C510301	4			6,60
744	15,02719	Nguyễn Hoàng Minh Nghĩa	Nam	07/03/1997	C510201	8	2NT		7,40
745	15,02853	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	12/11/1997	C510201	8	2NT		7,50
746	15,02863	Lê Nguyễn Ngân	Nam	09/06/1997	C510201	6	2NT		6,70
747	15,01309	Trần Thị Ngọc	Nữ	20/07/1997	C540204	9			5,90
748	15,01748	Lê Xuân Ngọc	Nam	20/10/1997	C510205	7	2		6,20
749	15,01672	Võ Hữu Ngọc	Nam	08/02/1997	C510301	7			6,20
750	15,02165	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	29/12/1997	C540204	22	2		6,00
751	15,02755	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	17/11/1997	C540204	7	1		6,40
752	15,02756	Tạ Thị Minh Ngọc	Nữ	26/12/1997	C540204	3	2NT		7,50
753	15,00994	Nguyễn Nhật Minh	Nam	10/08/1997	C510201	5	1		6,30
754	15,00944	Mạch Hải Nguyên	Nam	24/07/1997	C480201	14	3		6,40
755	15,01045	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam	01/05/1996	C510205	5	1		6,70
756	15,01227	Ngô Thị Nguyên	Nữ	01/05/1997	C540204	10	1		6,40
757	15,01335	Nguyễn Quốc Nguyên	Nam	14/08/1996	C510301	20	3		7,00
758	15,01744	Phan Hữu Lê Nguyên	Nam	27/01/1997	C510301	10	3		7,30
759	15,01819	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam	27/05/1996	C510205	2	2		6,90
760	15,01821	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam	08/03/1996	C510201	3	1	1	5,90
761	15,02477	Hồ Cao Nguyên	Nam	04/07/2012	C510201	5	2NT		5,70
762	15,02448	Nguyễn Trần Trọng Nguyên	Nam	25/08/2015	C480201	9	2NT		7,20
763	15,0279	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	01/01/1996	C510301	1			6,30
764	15,02773	Trần Thanh Nguyên	Nam	29/06/1997	C510301	1	1		6,00
765	15,02886	Trần Thanh Nguyên	Nam	29/06/1997	C510205	1			6,00
766	15,01103	Nguyễn Thành Nhân	Nam	29/08/1997	C510205	8	2NT		6,20
767	15,01271	Nguyễn Văn Nhân	Nam	20/04/1995	C480201	5	2NT		6,60
768	15,01353	Trần Thị Kim Nhân	Nữ	20/04/2015	C540204	4	2NT	6	6,50
769	15,01481	Trịnh Bảo Nhân	Nam	27/10/1996	C510205	4	2NT		7,20
770	15,01551	Huỳnh Mai Nhân	Nam	13/06/1997	C510205	10			5,70
771	15,01686	Lê Minh Nhân	Nam	02/08/1996	C510205	6	2NT		7,20
772	15,01719	Nguyễn Danh Nhân	Nam	10/01/1997	C510205	5	2NT		6,70
773	15,01971	Nguyễn Danh Nhân	Nam	10/01/1997	C510205	5	2NT		6,60
774	15,02133	Huỳnh Mai Nhân	Nam	13/06/1997	C510205	10	2		5,70
775	15,02051	Phạm Xuân Nhân	Nam	02/03/1997	C510201	10			6,30
776	15,02157	Nguyễn Tường Nhân	Nam	20/09/1997	C510301	9	2NT		6,80
777	15,02422	Đinh Thiện Nhân	Nam	21/10/1996	C480201	8	1		6,50
778	15,0252	Lê Đặng Thiện Nhân	Nam	03/04/1997	C510206	10	2NT		6,20
779	15,02587	Nguyễn Thành Nhân	Nam	18/03/1997	C510201	14	3		6,10
780	15,02811	Lê Trọng Nhân	Nam	14/04/1997	C510205	5	1		7,50
781	15,02852	Nguyễn Văn Nhân	Nam	20/04/1995	C480201	5	2NT		6,60
782	15,028	Võ Thành Nhân	Nam	06/07/1997	C510301	5	1		7,50
783	15,01867	Chu Văn Nhất	Nam	01/12/1997	C510205	3			6,80
784	15,02259	Hồ Sinh Nhật	Nam	13/04/1997	C510205	2	2NT		6,70

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
785	15,01837	Võ Minh Nhật	Nam	12/09/1997	C480201	10	1		6,10
786	15,0102	Nguyễn Hồng Nhật	Nam	02/01/1997	C510205	11	2NT		6,50
787	15,01077	Nguyễn Sỹ Ngọc Nhật	Nam	17/11/1997	C510201	10	2NT		6,80
788	15,01546	Tạ Minh Nhật	Nam	30/07/1997	C480201	1	1	1	5,70
789	15,00905	Tổng Phước Nhật	Nam	11/01/1997	C510201	10	1		6,40
790	15,02819	Phan Hữu Nhật	Nam	25/09/1997	C510301	10	2		6,50
791	15,0078	Đoàn Thị Huỳnh Nhi	Nữ	30/01/1997	C540204	9	2NT		6,30
792	15,01489	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	30/03/1997	C480201	18			6,70
793	15,02568	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	19/02/1997	C540204	8	2NT		6,50
794	15,0258	Nguyễn Thị Phương Nhi	Nữ	19/09/1997	C540204	10			6,90
795	15,0284	Võ Thị Thùy Nhi	Nữ	15/01/1997	C540204	3	2NT		7,50
796	15,02527	Ngô Thời Nhiệm	Nam	19/07/1997	C510205	5	2NT		6,60
797	15,01801	Nguyễn Văn Nhiều	Nam	11/07/1997	C510301	5	2NT		6,80
798	15,0185	Nguyễn Minh Hiếu Nhỏ	Nam	28/09/1996	C510205	2			6,30
799	15,0098	Nguyễn Hoài Nhơn	Nam	26/06/1997	C510205	11	1		6,50
800	15,01843	Nguyễn Khắc Nhu	Nam	01/09/1994	C480201	8	3		5,50
801	15,01186	Nguyễn Quốc Nhực	Nam	20/06/1987	C540204	3	3	3	5,50
802	15,01354	Võ Thị Bé Nhung	Nữ	20/10/1996	C480201	10	2		6,50
803	15,01393	Hồ Thị Tuyết Nhung	Nữ	29/09/2015	C480201	6	2NT	2	7,60
804	15,02465	Lê Thị Hồng Nhung	Nam	18/09/1997	C540204	12	2NT		6,90
805	15,00931	Lục Văn Nhựt	Nam	21/08/1995	C510301	2	2NT		5,60
806	15,01814	Phạm Thanh Nhựt	Nam	05/06/1997	C510205	9	2NT		7,70
807	15,02115	Huỳnh Minh Nhựt	Nam	06/05/1997	C510206	6	2NT		6,60
808	15,0272	Lý Minh Nhựt	Nam	27/03/1997	C510205	19			6,50
809	15,0104	Thạch Thị Chane Ni	Nữ	04/05/1995	C540204	6	1		6,40
810	15,01039	Thạch Thị Hồng Ni	Nữ	27/08/1997	C540204	7	1		5,70
811	15,02031	Trần Thị Mỹ Nương	Nữ	27/04/1995	C480201	10	2NT		5,80
812	15,01041	Ka' Oanh	Nữ	22/10/1996	C540204	4	1		6,20
813	15,02564	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	19/06/1997	C540204	19	2NT		7,20
814	15,02751	Trần Thị Kiều Oanh	Nữ	10/08/1997	C540204	11	2		6,50
815	15,02127	Lê Thị Hồng Phần	Nữ	26/11/1997	C510205	8	2NT		5,90
816	15,02403	Nguyễn Thị Hải Phận	Nữ	13/01/1997	C540204	4			7,00
817	15,01142	Nguyễn Tấn Phát	Nam	14/01/1997	C510205	8	2NT		6,70
818	15,01215	Trần Hưng Phát	Nam	11/10/1997	C510201	5	2NT		6,50
819	15,01318	Trần Thế Phát	Nam	01/12/1996	C510301	1	2		6,30
820	15,01538	Đào Bá Phát	Nam	18/12/1996	C510205	12	3		5,50
821	15,01531	Đoàn Tiến Phát	Nam	06/07/1996	C510301	9	2		7,60
822	15,01502	Phan Hoàng Phát	Nam	26/11/1997	C510201	10			5,60
823	15,02084	Vũ Thạnh Phát	Nam	08/06/1996	C480201	4			7,00
824	15,02267	Nguyễn Đình Phát	Nam	14/07/1997	C510301	7			7,20
825	15,02297	Nguyễn Thành Phát	Nam	23/10/1997	C510301	1	2		7,20
826	15,02322	Huỳnh Ngọc Phát	Nam	24/01/1997	C510201	3			5,70
827	15,02293	Huỳnh Nguyễn Thanh Phát	Nam	17/12/1996	C510301	4	1		5,80
828	15,02439	Lê Đại Phát	Nam	07/03/1997	C510301	13			6,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
829	15,02509	Đỗ Thành Phát	Nam	27/07/1996	C480201	1	2		6,30
830	15,0261	Trần Dũng Phê	Nam	25/10/1997	C510301	5	1		6,00
831	15,02832	Nguyễn Khôi Phê	Nam	03/05/1997	C510201	6	2NT		7,10
832	15,02542	Suốt Ra Phết	Nam	29/02/1996	C510205	3	1	1	5,90
833	15,00934	Lâm Đức Phi	Nam	08/07/1997	C510201	20	3	6	6,70
834	15,0245	Nguyễn Thanh Phi	Nam	04/09/1997	C510201	20	2		7,00
835	15,02729	Nguyễn Phin	Nam	04/10/1995	C510201	1	2		6,60
836	15,00935	Mai Chấn Phong	Nam	19/12/1997	C510206	13	2NT		7,50
837	15,0095	Nguyễn Thanh Phong	Nam	02/12/1997	C510205	10	2		5,90
838	15,01486	Đặng Thái Phong	Nam	02/12/1997	C510301	7	1	1	7,50
839	15,01512	Dư Tuấn Phong	Nam	11/04/1997	C510205	19			6,80
840	15,01588	Nguyễn Quốc Phong	Nam	09/09/1997	C510301	7	2		5,90
841	15,01735	Đỗ Quốc Phong	Nam	20/12/1997	C510205	5	2NT	1	6,00
842	15,01762	Lê Hoài Phong	Nam	30/07/1997	C510206	11	2NT		6,10
843	15,01631	Nguyễn Trần Phong	Nam	06/10/1997	C510205	22	2		6,30
844	15,01608	Trần Thanh Phong	Nam	28/08/1997	C510205	3	2NT		5,80
845	15,01685	Trịnh Thanh Phong	Nam	20/09/1996	C510205	19	3		6,40
846	15,01996	Huỳnh Thanh Phong	Nam	21/06/1997	C510301	8	1		6,10
847	15,02212	Nguyễn Phi Phong	Nam	17/12/1996	C510205	7			7,10
848	15,02145	Mai Thanh Phong	Nam	26/08/1997	C510201	8	1		6,10
849	15,0241	Đồng Văn Hoài Phong	Nam	12/11/1997	C510301	7	2NT		6,90
850	15,02694	Phạm Phương Thanh Phong	Nam	10/08/1997	C510301	12	2NT		6,80
851	15,02724	Phan Thanh Phong	Nam	26/8/1997	C510205	21			6,90
852	15,00839	Võ Phú	Nam	23/09/1996	C510206	3	2		6,20
853	15,00966	Trần Vĩnh Phú	Nam	17/10/1997	C510205	3	2		6,60
854	15,01275	Nguyễn Đức Phú	Nam	25/03/1997	C480201	5	2	2	6,10
855	15,01308	Nguyễn Hoài Phú	Nam	15/12/1997	C510201	10	2NT		6,10
856	15,01901	Trần Châu Gia Phú	Nam	20/05/1997	C480201	1	3		7,60
857	15,02028	Trần Triệu Phú	Nam	05/09/1997	C510301	7	1		6,60
858	15,02174	Lê Tấn Phú	Nam	12/03/1997	C510301	15	2NT		6,60
859	15,0218	Phạm Ngọc Phú	Nam	23/08/1997	C510205	22	2		6,70
860	15,0223	Nguyễn Thế Thiên Phú	Nam	21/01/1996	C480201	14	1		5,90
861	15,02173	Lê Tấn Phú	Nam	12/03/1997	C510301	15	2NT		6,60
862	15,02402	Phạm Thế Phú	Nam	01/08/1997	C510301	7	1		6,70
863	15,02563	Trịnh Ngọc Phú	Nam	15/07/1996	C510205	1	2		6,70
864	15,02691	Nguyễn Ngọc Phú	Nam	27/11/1997	C510205	15	1		6,00
865	15,00982	Trần Văn Phúc	Nam	10/02/1997	C510301	10	1		6,30
866	15,01063	Nguyễn Duy Phúc	Nam	20/11/1996	C510301	3			6,00
867	15,01242	Nguyễn Thanh Phúc	Nam	24/10/1997	C510206	22	2		6,90
868	15,01381	Nguyễn Hà Hoàng Phúc	Nam	13/05/1997	C510301	17	3		6,10
869	15,01564	Huỳnh Lai Phúc	Nam	25/01/2015	C510206	11	2NT	2	6,90
870	15,01629	Lê Hồng Phúc	Nam	16/11/1997	C510206	6			7,40
871	15,02254	Trần Xuân Phúc	Nam	04/01/1996	C510201	13	3		6,00
872	15,02256	Mai Bá Phúc	Nam	28/6/1997	C510201	11	2NT		7,40

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
873	15,02129	Kiều Xuân Phúc	Nam	07/08/1997	C510205	9	1	1	5,90
874	15,02567	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	14/12/1997	C510201	2	1		6,40
875	15,02582	Đặng Kim Phúc	Nam	04/05/1996	C510301	5	1		5,80
876	15,02744	Lê Hoàng Phúc	Nam	05/12/1997	C510201	8			6,80
877	15,01094	Cao Tâm Phước	Nam	08/10/1997	C510201	5	1		6,80
878	15,01482	Trần Hữu Phước	Nam	13/09/1996	C510301	5	1	1	6,80
879	15,01552	Mai Hồng Phước	Nam	22/10/1997	C510205	16	3		6,40
880	15,01529	Trần Hữu Phước	Nam	13/09/1996	C510301	5	1		6,80
881	15,01443	Tạ Vĩnh Phước	Nam	21/10/1994	C510206	14			7,00
882	15,01854	Lê Quang Phước	Nam	13/03/1997	C510205	3	1		6,20
883	15,02191	Phạm Hữu Phước	Nam	28/02/1997	C510301	4	1		6,10
884	15,02208	Cao Tâm Phước	Nam	08/10/1997	C510201	5	1		6,70
885	15,02654	Lê Thành Phước	Nam	08/08/1996	C510201	4	1		6,00
886	15,01273	Phan Thanh Phương	Nam	18/04/1997	C480201	1	1	1	6,20
887	15,0141	Huỳnh Trương Phương	Nam	08/10/1997	C510205	8	3		7,20
888	15,01709	Nguyễn Trần Anh Phương	Nam	23/01/1997	C510201	10			6,20
889	15,01886	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	01/03/1997	C540204	7	1		7,00
890	15,02211	Đặng Nguyễn Nguyên Phương	Nam	01/09/1997	C510205	8	1		6,00
891	15,02244	Phan Thanh Phương	Nam	18/04/1997	C480201	10	1		6,20
892	15,02326	Phùng Lê Phương	Nam	28/02/1997	C510301	5	2NT		6,60
893	15,02426	Nguyễn Đình Phương	Nam	22/11/1997	C480201	4			6,40
894	15,02373	Đỗ Anh Phương	Nam	15/10/1996	C510205	3	1		6,40
895	15,02592	Nguyễn Quốc Phương	Nam	31/12/1996	C510301	8	2NT	2	6,20
896	15,02709	Nguyễn Ngọc Phương	Nam	07/05/1997	C510301	2	2NT		6,20
897	15,0194	Nguyễn Thị Phương	Nữ	05/12/1997	C540204	9	3		7,40
898	15,01963	Lê Thị Bích Phương	Nữ	25/07/1997	C540204	7	1		7,40
899	15,02754	Vũ Thị Bích Phương	Nữ	05/04/1997	C540204	7			6,20
900	15,01234	Mai Anh Quân	Nam	12/05/1997	C510205	10	2		5,80
901	15,0135	Phạm Minh Quân	Nam	24/09/1997	C510205	11	1		5,90
902	15,02036	Nguyễn Vũ Minh Quân	Nam	03/01/1996	C510301	4	2NT		6,60
903	15,02103	Nguyễn Ngọc Quyền Quân	Nam	07/11/1997	C510301	12	1		6,50
904	15,01943	Cao Hoàng Quân	Nam	23/03/1996	C510301	21	2NT		6,60
905	15,02296	Lý Minh Quân	Nam	19/08/1997	C510205	1	2		6,90
906	15,02361	Trần Minh Quân	Nam	07/09/1997	C510205	12			7,10
907	15,02415	Cao Trần Quân	Nam	28/05/1997	C480201	5	1		6,30
908	15,0282	Đào Minh Quân	Nam	06/11/1996	C480201	7	2NT	1	5,80
909	15,0273	Nguyễn Tiến Quân	Nam	27/02/1997	C510301	6	1		6,40
910	15,01086	Lê Nhật Quang	Nam	02/01/1997	C510205	2			6,50
911	15,01525	Hoàng Văn Quang	Nam	03/04/1997	C510301	5	1		6,70
912	15,01577	Ngô Thành Quang	Nam	17/12/1997	C510201	5	2NT		7,30
913	15,01798	Võ Duy Quang	Nam	02/08/1997	C510205	7			6,00
914	15,01997	Phùng Lê Nhật Quang	Nam	12/07/1997	C510201	6			7,30
915	15,02263	Nguyễn Minh Quang	Nam	26/11/1997	C510201	10	2NT		6,00
916	15,02445	Trần Ngọc Quang	Nam	03/03/1997	C510205	5	2NT		6,50

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
917	15,02442	Hồ Nguyễn Nhựt Quang	Nam	29/06/1997	C510201	3	2NT		6,40
918	15,01939	Nguyễn Minh Quang	Nam	25/11/1996	C510301	21	2		6,10
919	15,01818	Phù Quát	Nam	24/02/1997	C510205	10			5,50
920	15,00909	Nguyễn Văn Thiệu Qui	Nam	28/06/1997	C510301	9	2NT		6,70
921	15,0083	Nguyễn Hữu Quí	Nam	01/01/1996	C480201	4	2		7,30
922	15,01959	Trần Anh Quý	Nam	27/09/1996	C510201	21			6,60
923	15,0172	Lâm Ngọc Quốc	Nam	17/07/1997	C510201	8	2NT		6,70
924	15,01633	Nguyễn Bảo Quốc	Nam	21/02/1997	C510205	6	2NT	1	6,90
925	15,02071	Lê Văn Quốc	Nam	23/11/1997	C480201	4	1		6,10
926	15,0267	Võ Tuấn Quy	Nam	30/11/1997	C510205	10	2		6,30
927	15,01218	Mai Trọng Quý	Nam	27/11/1997	C510301	12	3		7,70
928	15,01279	Nguyễn Văn Quý	Nam	06/05/1997	C510301	8			6,20
929	15,01589	Hồ Văn Quý	Nam	25/02/1997	C510201	7		1	6,50
930	15,02434	Trần Văn Quý	Nam	03/04/1997	C480201	2	2NT		6,10
931	15,02669	Nguyễn Thanh Quý	Nam	12/02/1997	C480201	21			6,40
932	15,00976	Nguyễn Thị Thanh Quyên	Nữ	27/11/1997	C540204	10	2NT		6,50
933	15,01178	Nguyễn Hữu Quyền	Nam	30/09/1997	C510201	4			6,60
934	15,01203	Trần Văn Quyền	Nam	20/06/1995	C510201	22	2		5,80
935	15,02462	Vũ Hoàng Quyền	Nam	04/10/1996	C510205	5	2NT		6,60
936	15,01983	Lê Nguyễn Quyết	Nam	27/02/1997	C510201	10	1	1	6,10
937	15,01097	Phạm Ái Quỳnh	Nữ	19/05/1997	C540204	1	1	1	5,50
938	15,0152	Trần Quang Quỳnh	Nam	12/03/1996	C510201	10	2NT		6,20
939	15,01536	Trần Quang Quỳnh	Nam	12/03/1996	C510301	10	2NT		6,20
940	15,02311	Đỗ Như Quỳnh	Nam	08/10/1997	C540204	10	2NT		6,40
941	15,01088	Lương Công Ri	Nam	12/01/1997	C510301	1	2		6,50
942	15,01357	Lê Xuân Rí	Nam	02/01/1996	C510205	7	1		6,10
943	15,01856	Phạm Ngọc Sa	Nam	28/09/1997	C510201	10	1		6,10
944	15,00776	Huỳnh Công Sang	Nam	09/01/1996	C480201	6	1		6,40
945	15,0091	Trịnh Ngọc Sang	Nam	22/02/1996	C510301	6	2NT		6,40
946	15,01064	Phạm Huỳnh Hồng Sang	Nam	05/08/1997	C510301	19	3		6,50
947	15,0112	Nguyễn Hoàng Sang	Nam	27/04/1997	C510201	14	3		7,00
948	15,01591	Lôi Tuấn Sang	Nam	15/01/1996	C510201	6	3		5,90
949	15,01522	Nguyễn Minh Sang	Nam	01/07/1997	C510205	22	2		6,50
950	15,0158	Phan Tấn Sang	Nam	09/06/1997	C510205	6			6,30
951	15,01737	Hoàng Dương Sang	Nam	22/02/1995	C510205	2			7,10
952	15,01646	Nguyễn Ngọc Sang	Nam	02/09/1996	C510205	3	2NT	1	6,70
953	15,02168	Võ Phước Sang	Nam	03/06/1996	C510301	22	2		6,30
954	15,02275	Nguyễn Văn Sang	Nam	04/09/1997	C510205	5			7,00
955	15,02156	Trần Tấn Sang	Nam	10/06/1997	C510201	21	2		6,90
956	15,02875	Phạm Tấn Sang	Nam	05/05/1994	C510301	12	3		7,30
957	15,01193	Lê Như Sáng	Nam	07/08/1997	C510201	19	3		6,80
958	15,02704	Hồ Phú Sĩ	Nam	18/04/1996	C510201	21			7,10
959	15,00949	Võ Cẩm Sinh	Nam	08/03/1997	C510205	10	2		7,10
960	15,01248	Võ Cẩm Sinh	Nam	08/03/1997	C510201	10	2		7,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
961	15,02818	Phạm Tấn Sinh	Nam	06/05/1997	C510205	6	2NT		6,90
962	15,00956	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	15/03/1997	C510301	19	2		6,40
963	15,00983	Phạm Triệu Ngọc Sơn	Nam	14/07/1997	C510205	7	2NT		6,90
964	15,01015	Nguyễn Trung Sơn	Nam	25/10/1994	C510201	1			5,50
965	15,01683	Bùi Thái Sơn	Nam	01/06/1997	C510201	7			6,60
966	15,01667	Đặng Thái Sơn	Nam	05/10/1997	C510201	13	3		7,60
967	15,01842	Trần Thái Sơn	Nam	30/09/1997	C510205	8	2NT		6,80
968	15,01908	Bùi Ngọc Trường Sơn	Nam	24/02/1997	C510205	9	1		7,00
969	15,01991	Phạm Triệu Ngọc Sơn	Nam	14/05/1997	C510205	7			6,90
970	15,01911	Lê Đình Hoàng Sơn	Nam	10/01/1997	C510205	8	1	5	6,70
971	15,01883	Trần Thanh Sơn	Nam	25/07/1997	C480201	7	1		6,40
972	15,02175	Đỗ Khánh Sơn	Nam	01/08/1997	C510205	14	3		7,30
973	15,022	Lê Đình Hoàng Sơn	Nam	10/01/1997	C510205	8			6,70
974	15,02325	Hà Thanh Sơn	Nam	07/12/1997	C510201	3	1		6,70
975	15,01982	Phạm Văn Sơn	Nam	18/03/1996	C510205	6	2NT		6,70
976	15,0239	Trần Hoàng Sơn	Nam	25/11/1996	C510205	11	3		7,00
977	15,02407	Trương Ngọc Sơn	Nam	02/06/1996	C510201	7	1		6,40
978	15,02469	Nguyễn Bá Sơn	Nam	27/11/1997	C510205	5	2NT		7,50
979	15,0247	Lê Hữu Sơn	Nam	03/05/1997	C510205	5	2NT		6,30
980	15,02646	Nguyễn Huỳnh Hoàng Sơn	Nam	16/07/1997	C510205	1			7,00
981	15,02792	Phạm Hồng Sơn	Nam	26/09/1997	C510206	6			6,30
982	15,02323	Phùng Con Sóng	Nam	20/16/1997	C510205	6	1	1	6,00
983	15,01262	Nguyễn Hoàng SuKhơ	Nam	27/07/1996	C510301	22	1		5,50
984	15,02004	Nguyễn Thị Diễm Sương	Nữ	1997	C540204	9			6,70
985	15,02139	Hàng Tuyết Sương	Nữ	19/12/1997	C540204	2	2NT		7,00
986	15,02706	Trần Thị Hồng Sương	Nữ	01/02/1997	C540204	21	2		7,60
987	15,0219	Trần A Sửu	Nam	28/04/1997	C510201	20	3		7,80
988	15,02316	Nguyễn Thanh Sỹ	Nam	15/02/1997	C510205	8	1		6,60
989	15,00818	Đinh Phước Tài	Nam	19/01/1997	C480201	1	3		6,70
990	15,0084	Nguyễn Phước Tài	Nam	25/06/1996	C510205	9	2NT		6,10
991	15,01001	Thái Tài	Nam	14/08/1996	C510301	21			6,70
992	15,01183	Võ Minh Tài	Nam	19/09/1996	C510205	5	1		6,60
993	15,01236	Nguyễn Văn Tài	Nam	15/07/1996	C510205	11	2NT		6,70
994	15,01389	Nguyễn Anh Tài	Nam	27/12/1995	C480201	15	3		6,80
995	15,01412	Vũ Tuấn Tài	Nam	13/01/1997	C510205	2	3		6,30
996	15,01757	Hà Song Tài	Nam	12/07/1997	C510301	14	3		6,90
997	15,01733	Nguyễn Đức Tài	Nam	10/11/1997	C480201	20	3		6,60
998	15,01746	Nguyễn Thái Tài	Nam	20/01/1996	C510205	6	1		6,20
999	15,01637	Tô Quốc Tài	Nam	12/08/1997	C510301	21	2		5,60
1000	15,01701	Trần Văn Tài	Nam	10/01/1997	C510205	19	3		6,60
1001	15,0182	Hoàng Hữu Tài	Nam	09/12/1997	C510201	21	2NT		6,30
1002	15,02099	Nguyễn Hữu Tài	Nam	10/06/1997	C510301	5			6,00
1003	15,01899	Trần Ngọc Tài	Nam	12/08/1997	C510205	10	2NT		6,40
1004	15,02167	Huỳnh Bảo Tài	Nam	27/02/1997	C510205	5			6,20

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1005	15,02192	Nguyễn Thế Tài	Nam	20/8/1997	C510201	21			5,80
1006	15,0237	Nguyễn Tấn Tài	Nam	20/10/1997	C510205	10			5,80
1007	15,02413	Nguyễn Sĩ Tài	Nam	02/01/1997	C510201	3	3		7,20
1008	15,02451	Nguyễn Phát Tài	Nam	15/01/1997	C510201	12	3		7,40
1009	15,02675	Bùi Tấn Tài	Nam	12/03/1997	C480201	14	3		6,30
1010	15,02783	Lê Văn Tài	Nam	23/06/1996	C510201	8			6,30
1011	15,0286	Nguyễn Phú Tài	Nam	03/11/1997	C510206	5			6,00
1012	15,01422	Lê Thị Mỹ Tâm	Nữ	08/04/1997	C480201	1	1		7,40
1013	15,01363	Trần Minh Tâm	Nam	12/08/1996	C510201	10	1		6,80
1014	15,01665	Châu Hoàng Tâm	Nam	26/11/1997	C480201	7	2		6,10
1015	15,01758	Nguyễn Thành Tâm	Nam	05/09/1997	C510206	11	3		6,40
1016	15,02093	Trần Thanh Tâm	Nam	01/03/1997	C510301	7	1		6,50
1017	15,01858	Nguyễn Thu Tâm	Nữ	15/10/1997	C540204	10	2NT		6,30
1018	15,02266	Nguyễn Ngọc Duy Tâm	Nam	06/11/1996	C510201	15	3		7,30
1019	15,02163	Phùng Văn Tâm	Nam	01/01/1997	C510201	6	2NT	1	7,80
1020	15,02358	Hà Thanh Tâm	Nam	10/03/1997	C510201	3	1	1	6,60
1021	15,02372	Phùng Văn Tâm	Nam	01/01/1997	C510301	6	2NT	1	7,80
1022	15,02045	Phạm Chí Tâm	Nam	19/09/1997	C510205	5	1		6,80
1023	15,02807	Phạm Chí Tâm	Nam	06/09/1997	C510205	5	1		6,80
1024	15,02817	Nguyễn Thu Tâm	Nữ	15/10/1997	C540204	10	2NT		6,30
1025	15,00954	Lê Quý Tân	Nam	23/09/1997	C510301	7			6,20
1026	15,0126	Phạm Tới Tân	Nam	27/03/1997	C510205	5	2NT	2	6,40
1027	15,01745	Ngô Trí Tân	Nam	19/10/1997	C510206	15	3		6,40
1028	15,01984	Nguyễn Duy Tân	Nam	05/09/1997	C480201	6			6,70
1029	15,02261	Trần Minh Tân	Nữ	16/09/1997	C510301	12	2NT		6,90
1030	15,02142	Nguyễn Cao Tân	Nam	23/09/1997	C510201	4	2	1	7,00
1031	15,02395	Huỳnh Trọng Tân	Nam	16/10/1996	C540204	12			6,90
1032	15,0244	Đặng Nhật Tân	Nam	09/09/1997	C510301	7	1		5,80
1033	15,02467	Nguyễn Văn Tân	Nam	24/02/1995	C510201	2	2		6,30
1034	15,02747	Mai Thành Tân	Nam	24/10/1997	C510201	8			7,00
1035	15,02732	Trần Hải Tân	Nam	04/11/1997	C510201	14	3		6,90
1036	15,02743	Kiều Thanh Tân	Nam	20/11/1997	C510205	10	2NT		6,70
1037	15,01287	Nguyễn Trọng Tấn	Nam	20/11/1996	C510205	11	2NT		5,80
1038	15,01528	Nguyễn Anh Tấn	Nam	06/05/1997	C510205	11	2NT		6,30
1039	15,01937	Lâm Trọng Tấn	Nam	28/12/1996	C510205	1	1		6,30
1040	15,02273	Phạm Minh Tấn	Nam	24/12/1997	C510201	21			6,80
1041	15,02622	Lương Văn Tấn	Nam	09/12/1997	C510205	9			6,70
1042	15,01265	Nguyễn Chánh Tấn	Nam	25/08/1997	C480201	11	2NT		6,30
1043	15,01255	Kiều Văn Tàu	Nam	22/12/1996	C510205	15	1		6,20
1044	15,02745	Lưu Bình Tây	Nam	23/05/1997	C510301	6	2NT		6,80
1045	15,01501	Dương Đình Thạch	Nam	24/04/1997	C510301	2	2NT		6,50
1046	15,01598	Nguyễn Chí Thạch	Nam	14/04/1997	C510301	10			5,90
1047	15,02283	Trần Hoàng Thạch	Nam	03/08/1997	C510205	5	2NT		7,60
1048	15,01054	Lương Công Thái	Nam	24/12/1997	C510301	9	2NT		7,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1049	15,01075	Lê Đình Thái	Nam	02/01/1997	C510205	4	1	1	6,60
1050	15,01146	Hồng Duy Thái	Nam	12/05/1995	C510205	20	2		6,10
1051	15,01484	Nguyễn Văn Thái	Nam	20/06/1997	C510205	21	3		7,70
1052	15,01694	Nguyễn Quốc Thái	Nam	28/05/1997	C510205	6	1		6,60
1053	15,0213	Đặng Viết Thái	Nam	11/06/1997	C510205	9	1		6,20
1054	15,00835	Trương Tấn Thám	Nam	10/02/1994	C480201	5	3		5,50
1055	15,01739	Trần Thị Hồng Thắm	Nữ	14/02/1997	C540204	2	2NT		7,50
1056	15,02068	Nguyễn Hữu Thắm	Nam	30/11/1997	C510205	11			5,70
1057	15,02657	Trần Thị Hồng Thắm	Nữ	14/02/1997	C540204	2	2NT		7,50
1058	15,01415	Nguyễn Đình Thắng	Nam	10/01/1997	C510301	1	1		6,10
1059	15,01641	Lê Bách Thắng	Nam	18/01/1997	C510201	10			6,10
1060	15,02478	Nguyễn Chí Thắng	Nam	16/07/1997	C510301	5	2NT		6,80
1061	15,01043	Dương Toàn Thắng	Nam	19/12/1996	C510205	6	1		6,10
1062	15,01068	Nguyễn Phạm Công Thắng	Nam	09/10/1996	C480201	14	3		6,40
1063	15,01173	Nguyễn Phan Quốc Thắng	Nam	27/08/1997	C510206	11	2		7,50
1064	15,0153	Võ Đức Thắng	Nam	05/12/1991	C510201	10	2NT		5,70
1065	15,0164	Lê Quang Thắng	Nam	20/12/1997	C510205	22	2		6,70
1066	15,01973	Mai Quốc Thắng	Nam	18/05/1997	C480201	22	2NT		6,00
1067	15,0212	Cao Viết Thắng	Nam	30/10/1997	C510205	14	3		6,20
1068	15,02436	Võ Đức Thắng	Nam	20/11/1997	C510201	3			6,60
1069	15,0263	Lê Văn Thắng	Nam	16/04/1997	C510201	10	2NT		5,70
1070	15,02522	Mai Văn Thắng	Nam	15/01/1997	C510301	1	2		7,70
1071	15,02625	Nguyễn Văn Thắng	Nam	06/07/1997	C510205	9	2NT		6,90
1072	15,02526	Nguyễn Việt Thắng	Nam	11/03/1997	C510205	10	2NT		6,80
1073	15,02572	Phạm Văn Thắng	Nam	27/11/1997	C510205	8	1		6,50
1074	15,01434	Lê Tuấn Thắng	Nam	20/06/1997	C510301	10	1		6,30
1075	15,02702	Huỳnh Đình Thắng	Nam	10/01/1997	C510205	10	1		5,90
1076	15,02711	Lê Đức Thắng	Nam	20/11/1997	C510201	10	2		6,20
1077	15,0287	Võ Thanh Thắng	Nam	29/06/1997	C510301	3	2		6,30
1078	15,01336	Phạm Văn Thanh	Nam	27/06/1997	C510301	7	1		6,10
1079	15,01376	Trần Thị Ngọc Thanh	Nữ	02/10/1997	C540204	2			7,60
1080	15,01583	Bùi Hoài Quốc Thanh	Nam	17/07/1997	C480201	5			6,20
1081	15,0177	Nguyễn Hoàng Thanh	Nam	13/01/1997	C510205	9	2NT		6,70
1082	15,01953	Nguyễn Đức Thanh	Nam	26/12/1996	C510301	22	2		7,10
1083	15,02458	Lê Hoài Thanh	Nam	27/05/1990	C510201	10			5,60
1084	15,02779	Châu Hoài Thanh	Nam	17/04/1997	C510201	13			7,00
1085	15,02865	Hoàng Xuân Thanh	Nam	01/08/1996	C510201	10	2NT		6,30
1086	15,00837	Hồ Minh Thành	Nam	18/10/1994	C510205	4	2NT		6,20
1087	15,00933	Trương Quốc Thành	Nam	19/06/1997	C510205	15	3		6,40
1088	15,0111	Hồ Quang Thành	Nam	22/07/1997	C510205	20	3		7,00
1089	15,01211	Huỳnh Tấn Thành	Nam	06/12/1996	C510205	1	1	1	5,80
1090	15,01373	Nguyễn Đại Thành	Nam	01/02/1995	C480201	4	3		7,10
1091	15,01496	Nguyễn Tấn Thành	Nam	10/06/1997	C510205	10	2NT		6,20
1092	15,01554	Võ Văn Thành	Nam	01/09/1997	C510201	7	1		7,80

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1093	15,01697	Nguyễn Tuấn Thành	Nam	29/07/1996	C510301	21	2		5,90
1094	15,01743	Phạm Thái Thành	Nam	15/09/1996	C510201	17	3		7,10
1095	15,01803	Trần Quang Thành	Nam	02/02/1997	C510201	10	1	1	5,90
1096	15,01832	Trần Văn Thành	Nam	15/02/1995	C510201	7			6,00
1097	15,02073	Nguyễn Phước Thành	Nam	15/11/1996	C510301	11			6,00
1098	15,02096	Đặng Văn Thành	Nam	20/12/1997	C510206	4	3		6,40
1099	15,01962	Lê Ngọc Thành	Nam	22/03/1997	C510201	5	2NT		6,10
1100	15,02007	Nguyễn Chí Thành	Nam	04/04/1997	C540204	2	2NT		5,80
1101	15,0209	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	30/11/1997	C510201	10	2NT		6,10
1102	15,02111	Nguyễn Thế Thành	Nam	28/05/1997	C510205	9	2NT		6,30
1103	15,02224	Nguyễn Tuấn Thành	Nam	29/07/1996	C510301	21	1		5,90
1104	15,0226	Phạm Minh Thành	Nam	15/02/1997	C510201	21	2		6,60
1105	15,02126	Bùi Quang Thành	Nam	13/07/1997	C510301	1	1		6,60
1106	15,02486	Vũ Văn Thành	Nam	20/10/1994	C510205	7	1		6,40
1107	15,02498	Phạm Thái Thành	Nam	25/12/1997	C510205	4	1		6,80
1108	15,02447	Nguyễn Chí Thành	Nam	04/04/1997	C540204	2	2NT		5,80
1109	15,02349	Phạm Thái Thành	Nam	25/12/1997	C510205	4	1		6,80
1110	15,02551	Nguyễn Tấn Thành	Nam	10/06/1997	C510206	10	2NT		6,20
1111	15,02634	Dương Tiến Thành	Nam	02/05/1997	C510301	1	2		6,20
1112	15,02532	Nguyễn Duy Thành	Nam	12/12/1996	C510206	7	2NT		6,00
1113	15,0269	Trần Xuân Thành	Nam	02/03/1997	C510201	6	2		6,00
1114	15,02703	Đinh Xuân Thành	Nam	21/03/1997	C510201	8	1		6,20
1115	15,02771	Trịnh Tín Thành	Nam	13/10/1997	C510206	16			6,60
1116	15,02764	Ngô Tuấn Thành	Nam	04/12/1997	C510205	11	2NT		6,20
1117	15,02847	Nguyễn Tấn Thành	Nam	17/08/1997	C510205	7	2NT		6,20
1118	15,01441	Quang Chí Thành	Nam	06/02/1997	C480201	11	3		6,00
1119	15,01291	Đào Duy Thảo	Nam	04/02/1997	C510205	4	2NT	2	7,20
1120	15,01049	Hồ Thị Thái Thảo	Nữ	03/02/1997	C540204	5	1		7,60
1121	15,01861	Hồ Văn Thảo	Nam	25/04/1997	C510201	10			6,40
1122	15,02128	Lê Thị Bích Thảo	Nữ	16/07/1997	C540204	21	2NT		7,60
1123	15,02269	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	04/04/1997	C480201	10			6,50
1124	15,02499	Huỳnh Thị Kim Thảo	Nữ	27/06/1997	C540204	10			7,00
1125	15,02331	Đoàn Thị Phương Thảo	Nữ	18/08/1997	C540204	1	1		6,40
1126	15,02678	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	18/03/1997	C540204	11			6,10
1127	15,02132	Nguyễn Ngọc Thạo	Nam	13/11/1997	C510205	10	2NT		6,10
1128	15,02871	Nguyễn Ngọc Thạo	Nam	13/11/1997	C510205	10	2		6,10
1129	15,02808	Lê Hùng Lâm Thế	Nam	15/03/1997	C510201	8	1		5,60
1130	15,02653	Lê Văn Thép	Nam	12/09/1997	C510205	11	2NT		6,40
1131	15,01504	Trần Văn Thi	Nam	17/02/1997	C510205	3			6,40
1132	15,02112	Lê Thị Mộng Thi	Nữ	12/10/1996	C540204	10	1		7,50
1133	15,02074	Nguyễn Huỳnh Thi	Nam	21/12/1996	C510201	8	2NT		6,60
1134	15,0175	Nguyễn Thanh Thiêm	Nam	01/09/1997	C480201	24	2		5,90
1135	15,00959	Nguyễn Thanh Thiên	Nam	01/09/1997	C480201	24	2		5,90
1136	15,01076	Ngô Văn Thiên	Nam	20/06/1997	C510206	10	2NT		6,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1137	15,01114	Đoàn Quốc Thiên	Nam	25/07/1996	C480201	13	1	1	6,40
1138	15,01276	Nguyễn Tấn Thiên	Nam	03/06/1997	C510201	21	2		7,60
1139	15,01703	Bùi Vương Vĩnh Thiên	Nam	13/07/1997	C510205	22	2		6,40
1140	15,02197	Phạm Đăng Thiên	Nam	24/11/1997	C510301	3	1		6,40
1141	15,02303	Nguyễn Tấn Trí Thiên	Nam	10/11/1995	C510205	8	1		5,90
1142	15,02838	Lâm Thiên	Nam	28/08/1997	C510301	1	1		6,60
1143	15,01129	Nguyễn Phan Ngọc Thiện	Nam	01/11/1997	C510205	6	3		7,60
1144	15,01405	Trương Thái Tấn Thiện	Nam	26/12/1997	C510205	1	3		7,00
1145	15,01595	Phạm Ngọc Thiện	Nam	24/09/1997	C480201	3	2NT		7,20
1146	15,01779	Phạm Ngọc Thiện	Nam	24/09/1997	C510205	3	2NT		7,20
1147	15,01839	Tăng Hoàng Thiện	Nam	01/09/1997	C510201	16	3		7,20
1148	15,01947	Giang Đức Thiện	Nam	01/06/1996	C510205	13	3		6,70
1149	15,02089	Nguyễn Minh Thiện	Nam	17/09/1996	C480201	6	2		6,90
1150	15,02314	Trần Thiện	Nam	04/9/1997	C510301	5	1		6,20
1151	15,02547	Phan Duy Thiện	Nam	08/01/1996	C510206	1			6,40
1152	15,02671	Nguyễn Quốc Thiện	Nam	06/04/1997	C510201	22			5,50
1153	15,01371	Lâm Quốc Thiệp	Nam	02/02/1997	C480201	10	2		6,20
1154	15,02683	Nguyễn Hữu Thiệp	Nam	21/09/1997	C480201	5	1	1	6,20
1155	15,01044	Ngụy Ngọc Thiết	Nam	15/04/1994	C510301	4	1		5,50
1156	15,01341	Nguyễn Thiết	Nam	02/06/1997	C510201	19			7,30
1157	15,01117	Trần Quốc Thịnh	Nam	17/08/1997	C510205	11	2NT		6,40
1158	15,01294	Nguyễn Giang Thịnh	Nam	10/09/1997	C510301	24	2		6,00
1159	15,01378	Võ Phạm Ngọc Thịnh	Nam	28/11/1997	C480201	10			6,70
1160	15,01678	Lương Xuân Thịnh	Nam	04/04/1997	C510301	7			7,50
1161	15,01593	Bùi Phúc Thịnh	Nam	24/07/1997	C510205	13	3		6,30
1162	15,02056	Hoàng Huỳnh Gia Thịnh	Nam	15/10/1993	C510201	1	1	6	6,60
1163	15,02237	Nguyễn Thanh Thịnh	Nam	05/08/1997	C510205	1			7,40
1164	15,02312	Tô Hữu Thịnh	Nam	27/01/1996	C480201	21	2		6,00
1165	15,02362	Huỳnh Ngọc Thịnh	Nam	14/07/1997	C510205	9			6,50
1166	15,02569	Trần Lê Phúc Thịnh	Nam	24/10/1997	C480201	9	2NT		7,00
1167	15,02605	Lê Khang Thịnh	Nam	13/12/1997	C510201	7	2NT		6,10
1168	15,02633	Trần Quốc Thịnh	Nam	09/11/1997	C510201	7	1		7,80
1169	15,027	Bùi Hữu Thịnh	Nam	0'6/03/1997	C510301	8	1		6,40
1170	15,0278	Đặng Hữu Quốc Thịnh	Nam	25/11/1997	C510205	6			7,50
1171	15,02286	Phạm Đình Thọ	Nam	22/11/1997	C510205	11	2NT		5,60
1172	15,02158	Phan Xuân Thọ	Nam	30/11/1996	C510301	10	2NT		6,10
1173	15,02854	Nguyễn Đình Thọ	Nam	17/04/1997	C510205	3	1		6,40
1174	15,00984	Tạ Thị Cẩm Thoa	Nữ	19/11/1996	C540204	13	2NT		6,70
1175	15,01635	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	20/02/1997	C540204	5	2NT		6,50
1176	15,02765	Dương Thị Kim Thoa	Nữ	16/08/1997	C540204	11	2NT		6,10
1177	15,02235	Nguyễn Công Thoại	Nam	15/06/1995	C510301	1			6,40
1178	15,011	Huỳnh Thị Xuân Thời	Nữ	11/05/1997	C510301	10		1	6,10
1179	15,01024	Phan Xuân Thông	Nam	19/12/1997	C510201	12			7,70
1180	15,01774	Lê Nguyễn Minh Thông	Nam	30/03/1997	C480201	17	3		6,10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1181	15,01718	Phan Xuân Thông	Nam	19/12/1997	C510205	12	3		7,70
1182	15,02131	Huỳnh Hoàng Thông	Nam	21/07/1996	C510301	15	3		5,60
1183	15,02258	Vương Quốc Bảo Thông	Nam	22/05/1997	C510301	4			7,30
1184	15,01838	Trần Gia Thống	Nam	15/02/1997	C510205	7			7,00
1185	15,02079	Nguyễn Đình Thống	Nam	31/01/1997	C510301	12	2NT		6,10
1186	15,02869	Nguyễn Quốc Thống	Nam	01/02/1997	C510205	4	2NT		6,20
1187	15,02501	Nguyễn Thị Cẩm Thu	Nữ	22/08/1997	C480201	10			7,50
1188	15,01185	Nguyễn Văn Thừa	Nam	19/02/1997	C510301	2	1	1	6,70
1189	15,01328	Lê Đình Thuận	Nam	10/04/1997	C510206	20	3		5,50
1190	15,01397	Võ Trọng Thuận	Nam	05/11/1997	C510205	4	3		6,00
1191	15,01809	Trịnh Văn Thuận	Nam	04/06/1996	C510205	2			5,90
1192	15,01808	Văn Công Thuận	Nam	15/01/1995	C510301	12	2NT		6,60
1193	15,01817	Nguyễn Nguyên Thuận	Nam	17/10/1997	C510205	2			6,50
1194	15,01825	Nguyễn Văn Thuận	Nam	10/07/1996	C510206	8	2NT		7,10
1195	15,01827	Nguyễn Văn Thuận	Nam	10/07/1996	C510201	8			7,10
1196	15,01988	Nguyễn Văn Thuận	Nam	11/11/1997	C510205	7			7,10
1197	15,02006	Nguyễn Hồng Thuận	Nam	09/05/1997	C510201	21	2NT		6,50
1198	15,02085	Trịnh Văn Thuận	Nam	04/06/1996	C510205	2	1		5,90
1199	15,0281	Thiều Quang Thuận	Nam	14/05/1997	C510205	1	1		6,00
1200	15,02834	Thiều Quang Thuận	Nam	14/05/1997	C510201	1	1	1	6,00
1201	15,02304	Nguyễn Tấn Trí Thức	Nam	02/09/1997	C510201	8	1		6,60
1202	15,01615	Đào Văn Hoài Thương	Nam	29/01/1997	C510201	9	2NT		6,90
1203	15,0275	Trần Thị Thương	Nữ	13/03/1997	C540204	11	2		6,70
1204	15,02831	Bùi Thị Thương	Nữ	15/09/1997	C540204	8	1		6,80
1205	15,01626	Đỗ Thị Thu Thủy	Nữ	09/12/2015	C480201	21	2		7,50
1206	15,02002	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	06/10/1997	C540204	13			6,80
1207	15,02376	Nông Thị Thu Thủy	Nữ	14/10/1997	C480201	8	1	1	5,90
1208	15,02672	Huỳnh Thị Tiêm	Nữ	16/08/1997	C480201	8	1		7,10
1209	15,01782	Trần Văn Tiên	Nam	25/01/1996	C480201	8			6,40
1210	15,02016	Võ Thị Thủy Tiên	Nữ	04/06/1995	C540204	1	2		6,60
1211	15,02029	Trần Thị Tiên	Nữ	23/12/1997	C540204	4	2NT		7,20
1212	15,01872	Phan Văn Tiên	Nam	02/02/1997	C510205	10			6,30
1213	15,02533	Trần Văn Tiên	Nam	02/04/1997	C480201	5	2NT	1	6,40
1214	15,00953	Nguyễn Văn Tiến	Nam	21/09/1997	C510201	12	1		6,30
1215	15,01274	Võ Xuân Tiến	Nam	22/01/1997	C510205	5			7,30
1216	15,01656	Bạch Minh Tiến	Nam	23/07/1993	C510205	24			7,80
1217	15,01687	Đặng Nhật Tiến	Nam	09/09/1997	C510205	7	1		6,30
1218	15,01674	Lê Tiếp Tiến	Nam	24/07/1996	C510205	4			6,20
1219	15,01681	Vũ Minh Tiến	Nam	27/07/1996	C510205	7	1		6,70
1220	15,01884	Hồ Nhựt Tiến	Nam	14/11/1997	C510205	10	2		6,40
1221	15,02166	Huỳnh Văn Tiến	Nam	18/08/1997	C510301	5			6,70
1222	15,01871	Nguyễn Thành Tiến	Nam	21/07/1997	C510205	4			7,20
1223	15,02055	Nguyễn Văn Tiến	Nam	08/01/1997	C510301	2	1		7,00
1224	15,02388	Bạch Minh Tiến	Nam	23/07/1993	C510205	24	2		7,80

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1225	15,00975	Lương Văn Tiến	Nam	26/09/1997	C510201	8	1		5,50
1226	15,01055	Nguyễn Thị Tiền	Nữ	15/04/1997	C540204	4	1		7,00
1227	15,01998	Nguyễn Văn Tiễn	Nam	25/08/1997	C480201	10	2	2	6,20
1228	15,02892	Đỗ Thành Tiễn	Nam	23/12/1997	C510205	2	1		7,10
1229	15,02035	Trần Thị Tiếp	Nữ	01/09/1996	C540204	15	1		6,00
1230	15,01761	Lâm Thị Thu Tin	Nữ	09/12/1997	C480201	10	2NT		6,80
1231	15,00823	Nguyễn Công Tín	Nam	16/12/1997	C510205	1	2		7,50
1232	15,01072	Nguyễn Tín	Nam	04/07/1997	C510205	19	3		6,00
1233	15,01104	Nguyễn Hữu Tín	Nam	05/03/1997	C510201	7	3		7,50
1234	15,01374	Nguyễn Tín	Nam	08/08/1997	C510206	4	2NT		6,10
1235	15,01377	Nguyễn Thanh Tín	Nam	08/08/1997	C510206	4	2NT	1	6,10
1236	15,01767	Nguyễn Trí Tín	Nam	27/12/1997	C510205	16	3		5,80
1237	15,01619	Thái Uy Tín	Nam	06/06/1997	C510201	21	2		7,20
1238	15,02271	Nguyễn Văn Tín	Nam	24/03/1997	C480201	11	2NT	6	6,20
1239	15,02585	Mai Trung Tín	Nam	14/06/1997	C480201	4	1		6,90
1240	15,02651	Nguyễn Trung Tín	Nam	01/09/1997	C510205	9	2NT		7,00
1241	15,01749	Lê Trung Tính	Nam	28/02/1997	C510201	6	3		7,50
1242	15,01783	Huỳnh Duy Tính	Nam	29/04/1997	C510205	4	1		7,00
1243	15,02741	Phạm Công Tính	Nam	11/12/1997	C510201	1			5,70
1244	15,01532	Nguyễn Hồng Tơ	Nam	10/12/1997	C510205	10	2		6,40
1245	15,00888	Cao Minh Toàn	Nam	11/04/1997	C510301	9	2NT		6,80
1246	15,01081	Vương Văn Toàn	Nữ	04/10/1995	C510201	8	1		6,10
1247	15,01468	Nguyễn Ngọc Toàn	Nam	12/09/1995	C510206	19			6,40
1248	15,0173	Hồng Song Toàn	Nam	03/09/1997	C510205	5	2		7,70
1249	15,01649	Nguyễn Bảo Toàn	Nam	10/09/1997	C510201	1	2		6,50
1250	15,01979	Đặng Phước Toàn	Nam	13/12/1997	C510301	7			6,30
1251	15,02059	Trịnh Minh Toàn	Nam	20/11/1997	C510205	19	3		5,80
1252	15,02428	Đỗ Thiện Toàn	Nam	28/03/1997	C510301	5	2NT		6,30
1253	15,0256	Đặng Thanh Toàn	Nam	18/10/1997	C510205	21			7,20
1254	15,02637	Nguyễn Bảo Toàn	Nam	06/08/1997	C510205	4	3		7,00
1255	15,02725	Nguyễn Thế Toàn	Nam	03/05/1997	C480201	10	2NT		5,70
1256	15,01264	Nguyễn Minh Toàn	Nam	24/10/1997	C510205	9	2NT		7,00
1257	15,01657	Trần Lê Quốc Toàn	Nam	15/12/1996	C510205	2	2	1	6,90
1258	15,01875	Trần Lê Quốc Toàn	Nam	15/12/1996	C510301	2	1		6,90
1259	15,01082	Trần Niên Tòng	Nam	11/01/1996	C510201	8	1		6,80
1260	15,02541	Phạm Ngọc Trai	Nam	20/06/1997	C510301	10	2NT		6,00
1261	15,01561	Đào Hồng Trâm	Nữ	04/09/1997	C540204	8	3	3	6,20
1262	15,0207	Nguyễn Thị Ái Trâm	Nữ	02/09/1997	C540204	7			6,40
1263	15,01246	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nam	20/02/1996	C480201	4	2		6,50
1264	15,0198	Huỳnh Thị Huế Trâm	Nữ	01/01/1997	C540204	3			6,10
1265	15,01893	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	09/09/1997	C540204	7	2NT		7,20
1266	15,0257	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	02/01/1995	C540204	8	2NT		7,90
1267	15,02613	Lâm Hồ Huyền Trâm	Nữ	14/12/1997	C540204	9	2NT		6,70
1268	15,01084	Sơn Thị Bé Trang	Nữ	10/12/1995	C480201	20	1		6,50

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1269	15,00918	Đặng Minh Trí	Nam	07/04/1997	C510301	19			6,40
1270	15,01023	Nguyễn Trọng Trí	Nam	12/08/1997	C510205	10	2		6,10
1271	15,01113	Lê Minh Trí	Nam	18/09/1997	C510205	6	3		6,90
1272	15,01372	Huỳnh Lê Minh Trí	Nam	18/01/1997	C510201	19	3		6,90
1273	15,01413	Nguyễn Minh Trí	Nam	20/09/1996	C510205	4	1		6,50
1274	15,01526	Võ Minh Trí	Nam	24/04/1997	C510201	12	2NT		6,20
1275	15,01704	Nguyễn Hoàng Đức Trí	Nam	24/03/1997	C510205	12	3		6,70
1276	15,01834	Bùi Minh Trí	Nam	22/04/1995	C510201	1	1	1	6,90
1277	15,01934	Đỗ Minh Trí	Nam	17/03/1997	C510201	8	2NT		6,50
1278	15,01938	Nguyễn Minh Trí	Nam	13/09/1997	C510201	10	2NT		6,10
1279	15,02053	Phạm Cao Trí	Nam	25/04/1996	C510205	6	1		6,50
1280	15,02025	Trần Minh Trí	Nam	09/01/1997	C480201	7	2NT		5,70
1281	15,02179	Trần Đức Trí	Nam	17/04/1997	C510205	13	3		7,20
1282	15,023	Hồ Minh Trí	Nam	20/01/1997	C510205	8	2NT		6,10
1283	15,02317	Phạm Phú Trí	Nam	02/11/1997	C480201	11	3		5,70
1284	15,02368	Hoàng Minh Trí	Nam	02/06/1996	C510205	11			6,10
1285	15,02397	Hồ Minh Trí	Nam	13/03/1997	C510201	12	2NT		6,50
1286	15,02598	Nguyễn Minh Trí	Nam	12/02/1997	C510201	8	2NT		7,10
1287	15,02584	Đoàn Thanh Trí	Nam	08/10/1996	C510205	5	1		6,30
1288	15,01534	Đặng Hoàng Trí	Nam	02/09/1996	C510205	19	3		7,00
1289	15,02712	Phan Hữu Trí	Nam	26/10/1997	C510205	21	2		6,60
1290	15,02867	Nguyễn Thanh Trí	Nam	11/11/1996	C510205	8	3		6,90
1291	15,02879	Trần Minh Trí	Nam	21/05/1997	C510205	11			6,40
1292	15,02496	Trần Văn Triển	Nam	11/10/1997	C480201	6	1		6,70
1293	15,01693	Dương Thanh Triều	Nam	22/08/1997	C480201	1	3		6,20
1294	15,0168	Mai Huỳnh Hải Triều	Nam	07/05/1997	C510205	3	3		6,20
1295	15,01954	Trần Lê Thiên Triều	Nam	25/09/1997	C480201	3	3		6,50
1296	15,02574	Dương Thị Thanh Triều	Nữ	30/04/1997	C540204	4	2NT		7,20
1297	15,02655	Huỳnh Minh Triều	Nam	20/09/1997	C510301	4	2		6,30
1298	15,01417	Nguyễn Chánh Triệu	Nam	22/04/1997	C510205	7			7,30
1299	15,02446	Nguyễn Khôi Thiên Triệu	Nam	17/10/1996	C480201	16	3		6,20
1300	15,01158	Lê Bích Trinh	Nữ	17/10/1997	C480201	9	1		6,50
1301	15,01666	Phạm Đăng Quan Quốc Trình	Nam	08/07/1997	C510205	10	2		6,50
1302	15,02615	Trần Trường Trình	Nam	09/09/1997	C510205	4	1		5,90
1303	15,00662	Nguyễn Thành Trình	Nam	10/08/1995	C510201	4			7,50
1304	15,01149	Lữ Ngọc Trọn	Nam	05/07/1997	C510201	9	2NT		7,50
1305	15,01143	Vũ Trần Trọng	Nam	08/05/1997	C480201	6	3		6,70
1306	15,01296	Trương Quang Quốc Trọng	Nam	29/10/1997	C480201	8	3		5,60
1307	15,01754	Nguyễn Quỳnh Trọng	Nam	16/08/1997	C480201	14	3		7,10
1308	15,02643	Nguyễn Văn Trọng	Nam	24/10/1997	C510201	10	2NT		6,60
1309	15,02716	Nguyễn Hữu Trọng	Nam	20/08/1997	C510201	7	2NT		6,40
1310	15,02723	Trương Lê Quốc Trọng	Nam	21/01/1994	C480201	9			5,70
1311	15,02682	Trần Phước Trọng	Nam	03/07/1997	C480201	15			7,20
1312	15,02213	Lê Thanh Trúc	Nam	08/07/1996	C480201	7	1		6,90

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1313	15,02169	Võ Trung	Trực	Nam	05/06/1997	C510201	8	2NT	7,50
1314	15,01008	Cao Văn	Trung	Nam	08/02/1995	C510301	3		5,70
1315	15,01119	Hoàng Văn	Trung	Nam	10/07/1996	C510301	5	2NT	7,10
1316	15,00996	Nguyễn Minh	Trung	Nam	28/10/1997	C510201	4	1	6,00
1317	15,01322	Nguyễn Thành	Trung	Nam	19/03/1996	C510206	19	2	5,90
1318	15,01488	Huỳnh Thanh	Trung	Nam	19/03/1997	C510205	19		6,30
1319	15,01483	Nguyễn Văn	Trung	Nam	29/12/1997	C480201	10	1	6,30
1320	15,00791	Nguyễn Đình	Trung	Nam	08/10/1996	C510205	10	1	6,20
1321	15,01519	Ngô Quốc	Trung	Nam	23/01/1997	C480201	3	2	7,20
1322	15,01535	Nguyễn Thành	Trung	Nam	04/08/1997	C510205	6	3	6,80
1323	15,01555	Phạm Hữu	Trung	Nam	18/12/1996	C510301	12	1	6,70
1324	15,01507	Trần Minh	Trung	Nam	12/09/1997	C510205	7		6,30
1325	15,01771	Lê Đoàn Thế	Trung	Nam	16/01/1997	C510205	18	3	6,20
1326	15,01679	Phạm Thành	Trung	Nam	07/11/1997	C510205	22	3	7,10
1327	15,01841	Bùi Chí	Trung	Nam	20/09/1997	C510301	4	2NT	6,70
1328	15,01945	Đái Thành	Trung	Nam	02/03/1997	C510201	21	2	5,90
1329	15,02009	Võ Thành	Trung	Nam	28/09/1996	C480201	11		6,60
1330	15,02064	Lê Hoài	Trung	Nam	16/07/1997	C510205	7	3	6,70
1331	15,02125	Nguyễn Anh	Trung	Nam	03/11/1997	C510301	15		6,20
1332	15,02063	Lê Hoài	Trung	Nam	16/07/1997	C510205	7	3	6,70
1333	15,02209	Nguyễn Thành	Trung	Nam	22/11/1996	C510201	21		6,70
1334	15,02276	Trần Thành	Trung	Nam	01/01/1997	C510205	5		7,80
1335	15,02301	Nguyễn Minh	Trung	Nam	22/03/1997	C510201	8	2NT	6,30
1336	15,0232	Nguyễn Thành	Trung	Nam	04/03/1997	C510206	7	1	6,70
1337	15,01881	Nguyễn Quang	Trung	Nam	28/10/1996	C510205	4	2NT	6,30
1338	15,02444	Nguyễn Thành	Trung	Nam	07/11/1997	C480201	6	2	6,50
1339	15,02454	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	12/12/1997	C510201	12	2NT	7,10
1340	15,02481	Nguyễn	Trung	Nam	11/08/1997	C510201	1	3	6,60
1341	15,02352	Nguyễn Thành	Trung	Nam	07/11/1997	C480201	6	2	6,50
1342	15,02548	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	22/11/1997	C510206	3	2NT	6,90
1343	15,0265	Nguyễn Như Minh	Trung	Nam	16/06/1997	C510201	7	2NT	7,00
1344	15,02549	Nông Thành	Trung	Nam	07/10/1996	C510205	9	3	5,50
1345	15,00928	Phan Thanh	Trung	Nam	23/12/1997	C510301	21	2	6,40
1346	15,02786	Trần Đình	Trung	Nam	27/04/1997	C480201	10		6,80
1347	15,02698	Nguyễn Duy	Trung	Nam	11/02/1992	C540204	5	1	5,50
1348	15,02733	Phan Tại Thanh	Trung	Nam	06/07/2015	C510205	1	1	6,60
1349	15,01079	Mai Xuân	Trường	Nam	22/09/1997	C510205	10		6,50
1350	15,02277	Nguyễn Minh	Trường	Nam	06/07/1997	C510205	7	2NT	6,10
1351	15,00768	Hoàng Châu Duy	Trường	Nam	07/08/1997	C480201	4	2NT	7,50
1352	15,00957	Vũ Huy	Trường	Nam	22/12/1997	C480201	6	1	6,10
1353	15,00974	Nguyễn Phước Nhật	Trường	Nam	02/10/1997	C510201	8	2NT	6,70
1354	15,01254	Võ Nguyễn Nhật	Trường	Nam	28/09/1997	C510205	11		6,20
1355	15,01558	Nguyễn Văn	Trường	Nam	13/10/1997	C510201	9	2NT	6,10
1356	15,01517	Võ Nhật	Trường	Nam	28/02/1996	C510201	6	2	7,00

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1357	15,01642	Nguyễn Nhật Trường	Nam	07/07/1997	C510205	2	1		6,70
1358	15,01706	Nguyễn Nhật Trường	Nam	17/01/1997	C510205	7			6,60
1359	15,01941	Nguyễn Nhật Trường	Nam	31/05/1997	C510301	1	1		6,50
1360	15,0201	Nguyễn Dương Nhật Trường	Nam	12/04/1997	C510205	11	2		6,20
1361	15,02217	Huỳnh Quốc Trường	Nam	12/04/1997	C480201	1	2		6,10
1362	15,02164	Dương Nhật Trường	Nam	22/06/1997	C510205	2			6,20
1363	15,01284	Võ Thanh Trường	Nam	10/02/1997	C510201	21			6,70
1364	15,02728	Mai Xuân Trường	Nam	22/09/1997	C510205	10			6,50
1365	15,02841	Ngô Việt Trường	Nam	24/10/1997	C510205	5	2		6,50
1366	15,01343	Nguyễn Minh Trường	Nam	20/10/1997	C510201	4	2NT		6,50
1367	15,01427	Phạm Văn Trường	Nam	21/03/1997	C540204	4	2NT	6	6,40
1368	15,02353	Đồng Quốc Trường	Nam	17/06/1997	C480201	11	2NT		6,30
1369	15,00847	Phan Minh Tú	Nam	01/07/1995	C510201	11	1	1	5,90
1370	15,01471	Ngô Hoàng Tú	Nam	10/06/1997	C510205	3			6,50
1371	15,01664	Ngô Anh Tú	Nam	06/05/1996	C480201	12		1	6,80
1372	15,01753	Thân Hoài Tú	Nam	29/08/1997	C510301	9	2NT		6,20
1373	15,02556	Nguyễn Hồng Tú	Nam	06/08/1997	C510205	4			6,30
1374	15,02579	Ngô Anh Tú	Nam	06/05/1996	C510301	12	3		6,80
1375	15,018	Vũ Minh Tú	Nam	11/08/1996	C510201	5			5,60
1376	15,02824	Lê Việt Tú	Nam	01/06/1997	C510205	5	1		6,20
1377	15,02884	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	26/08/1997	C540204	5	2NT		6,60
1378	15,02	Nguyễn Tấn Tứ	Nam	18/08/1997	C510201	7	2NT		6,10
1379	15,01311	Nguyễn Lê Tự	Nam	29/03/1996	C510206	13	3		6,50
1380	15,01987	Phạm Tuấn	Nam	20/09/1997	C510301	10	2NT		5,90
1381	15,02233	Ninh Minh Tuấn	Nam	17/02/1996	C510206	1	1		6,30
1382	15,0251	Nguyễn Nhật Tuấn	Nam	10/02/1997	C510205	7	2		6,30
1383	15,00825	Lê Việt Tuấn	Nam	04/02/1994	C510201	7	1		6,80
1384	15,00843	Dương Quốc Gia Tuấn	Nam	04/12/1997	C510205	7	2NT		7,40
1385	15,00911	Võ Sỹ Tuấn	Nam	29/04/2015	C540204	6	2NT		7,10
1386	15,00995	Lê Đức Anh Tuấn	Nam	18/01/1997	C480201	10			5,70
1387	15,01047	Tổng Văn Tuấn	Nam	29/08/1997	C510205	1	1		6,50
1388	15,01048	Trương Minh Tuấn	Nam	11/05/1996	C510205	5	2NT		5,80
1389	15,01065	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	24/3/1997	C510205	9	1		5,80
1390	15,01252	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	02/08/1997	C510205	11	2NT	1	7,20
1391	15,01293	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	02/11/1993	C480201	1	3		6,30
1392	15,01307	Đinh Trọng Tuấn	Nam	28/06/1997	C510201	11	1		6,90
1393	15,0133	Trần Anh Tuấn	Nam	14/11/1997	C510206	7	2NT		6,60
1394	15,01383	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	13/12/1992	C480201	15	1		7,80
1395	15,01518	Triệu Văn Tuấn	Nam	05/04/1996	C510201	5	1	4	6,40
1396	15,01699	Lê Anh Tuấn	Nam	27/09/1997	C510201	10	1	1	5,80
1397	15,01721	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	19/04/1997	C510205	10	2NT		6,30
1398	15,0166	Trần Văn Tuấn	Nam	02/11/1997	C510205	7	2NT		6,00
1399	15,01805	Lê Đức Anh Tuấn	Nam	18/01/1997	C510301	10			5,70
1400	15,01933	Trương Đình Tuấn	Nam	06/12/1997	C480201	7	1		6,70

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1401	15,0203	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Nam	01/07/1997	C510205	13	2NT		6,10
1402	15,02094	Phạm Tài Tuấn	Nam	29/11/1997	C510201	7	1		5,50
1403	15,0205	Lê Anh Tuấn	Nam	23/11/1997	C510205	11	1	2	6,50
1404	15,02138	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	16/02/1997	C510205	11	3		5,70
1405	15,01787	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	20/08/1997	C510201	11	1		6,60
1406	15,0227	Trần Minh Tuấn	Nam	04/02/1997	C510205	2	3		6,70
1407	15,0216	Lê Thanh Tuấn	Nam	15/07/1997	C480201	4	1		6,30
1408	15,02201	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	11/11/1997	C480201	10	1	1	6,50
1409	15,02151	Tô Hoàng Tuấn	Nam	30/04/1997	C510205	10	2		7,60
1410	15,02146	Trần Minh Tuấn	Nam	04/02/1997	C510206	2	2		6,70
1411	15,02054	Lê Anh Tuấn	Nam	23/11/1997	C510205	11		2	6,50
1412	15,02404	Phạm Thanh Tuấn	Nam	13/02/1997	C510205	4			6,80
1413	15,02443	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	07/02/1997	C510205	7	2		5,90
1414	15,02546	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	03/11/1997	C510205	10	2NT		5,80
1415	15,02589	Trần Quốc Tuấn	Nam	22/02/1996	C510201	10	2NT		6,50
1416	15,02659	Hồ Văn Tuấn	Nam	15/01/1997	C510301	4	2NT		6,10
1417	15,02788	Lý Trường Tuấn	Nam	22/01/1997	C510301	19			7,10
1418	15,02681	Nguyễn Thế Tuấn	Nam	10/10/1997	C510205	3			6,80
1419	15,02826	Bùi Anh Tuấn	Nam	16/08/1997	C480201	15	3		6,90
1420	15,02801	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	19/04/1997	C480201	10	2NT		6,30
1421	15,0289	Võ Văn Tuệ	Nam	02/11/1997	C510201	4	1		6,07
1422	15,01096	Nguyễn Văn Tùng	Nam	24/02/1995	C480201	7	2		6,60
1423	15,01298	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	26/01/1997	C480201	22	2		5,90
1424	15,01299	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	26/01/1997	C510301	22	2		5,90
1425	15,02253	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	15/03/1995	C510205	3	2NT		6,70
1426	15,02554	Thái Hoàng Tùng	Nam	10/10/1997	C510301	3			6,80
1427	15,01411	Lương Vinh Tường	Nam	11/04/1996	C510201	11	3		6,30
1428	15,01835	Nguyễn Hoàng Tường	Nam	09/01/1996	C510205	1	1		6,60
1429	15,02543	Sỳ Trùng Tường	Nam	18/05/1997	C510205	4	1	1	6,20
1430	15,02857	Phạm Phước Tường	Nam	28/05/1997	C510301	5	2NT	2	6,00
1431	15,0222	Trần Xuân Tường	Nam	26/11/1997	C510301	5			6,60
1432	15,02665	Phạm Hoài Tường	Nam	15/09/1997	C510301	9			6,80
1433	15,00962	Nguyễn Tuyển	Nam	06/05/1996	C510205	8	3		7,00
1434	15,01367	Hồ Thị Thanh Tuyển	Nữ	08/03/1997	C540204	7	1		6,70
1435	15,01804	Cũng Thị Thanh Tuyển	Nữ	02/02/1997	C480201	1			7,00
1436	15,02032	Trần Thị Tuyết	Nam	01/09/1996	C540204	15	2		6,00
1437	15,02216	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Nữ	15/06/1997	C540204	9			6,20
1438	15,01181	Nguyễn Kỳ Phong Vân	Nam	09/01/1996	C510205	2	2	2	6,30
1439	15,01465	Nguyễn Khánh Hải Vân	Nam	28/10/1996	C480201	8	1		6,30
1440	15,02677	Lưu Thị Bích Vân	Nữ	23/01/1997	C540204	9	2NT		6,90
1441	15,01548	Lê Tùng Văn	Nam	02/05/1996	C510206	7	2NT		6,40
1442	15,01852	Võ Duy Văn	Nam	06/10/1995	C480201	4	2NT		6,40
1443	15,02789	Nguyễn Sĩ Văn	Nam	13/07/1997	C510201	1			6,20
1444	15,0128	Hồ Thị Thuý Vi	Nữ	01/07/1997	C540204	3	2NT		7,60

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN	
1445	15,0144	Tường Thị Ngọc	Vi	Nữ	08/10/1997	C540204	10		6,20	
1446	15,02346	Trần Văn	Vi	Nam	15/09/1996	C510201	3	2	5,50	
1447	15,01907	Huỳnh Hoàng	Vĩ	Nam	15/10/1996	C480201	11	1	6,10	
1448	15,02452	Nguyễn Hoàng	Vĩ	Nam	18/04/1997	C510201	3	2NT	1	6,40
1449	15,01965	Lê Quan	Việc	Nam	19/10/1996	C510301	1	1	1	6,00
1450	15,02534	Đặng Văn	Viết	Nam	02/05/1997	C510205	4	2NT		6,70
1451	15,01663	Trần Minh	Việt	Nam	12/07/1997	C510201	10	2		6,20
1452	15,01823	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	25/09/1997	C510201	7	2NT		7,00
1453	15,02321	Vương Quốc	Việt	Nam	01/01/1997	C510301	8	2NT		6,30
1454	15,02686	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	10/07/1997	C510301	4	2NT		6,00
1455	15,00865	Huỳnh Văn	Vin	Nam	02/01/1997	C510301	8	1		6,43
1456	15,01135	Trần Tấn	Vinh	Nam	01/01/1997	C540204	7	2NT		7,50
1457	15,01313	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	05/04/1997	C480201	1	3		6,60
1458	15,01361	Bùi Anh	Vinh	Nam	21/06/1997	C510201	10	2NT		6,60
1459	15,0143	Trần Quốc	Vinh	Nam	23/09/1997	C510205	7	2NT		6,80
1460	15,01563	Lê Quang	Vinh	Nam	19/02/1997	C510301	10			5,70
1461	15,01752	Lê Nguyễn Trọng	Vinh	Nam	14/04/1997	C510205	12	3		7,70
1462	15,0174	Trần Ngọc	Vinh	Nam	17/04/1997	C510205	6	3		7,00
1463	15,01829	Nguyễn Thanh	Vinh	Nam	19/09/1996	C510205	3	2NT		6,60
1464	15,02153	Đinh Hữu	Vinh	Nam	28/11/1997	C510205	7	2NT		6,50
1465	15,02484	Huỳnh Thanh	Vinh	Nam	24/12/1997	C510205	2	2NT		6,50
1466	15,0248	Phan Quốc	Vinh	Nam	01/10/1995	C480201	8	1		6,70
1467	15,02737	Nguyễn Thanh	Vinh	Nam	19/09/1996	C510205	3	2NT		6,60
1468	15,01379	Lê Thanh	Vĩnh	Nam	19/02/1997	C480201	10			5,90
1469	15,01725	Trần Khang	Vinh	Nam	01/10/1996	C510201	8	3	6	6,10
1470	15,02177	Ngô Năng	Võ	Nam	17/04/1997	C510205	19	3		6,80
1471	15,02565	Huỳnh Phong	Võ	Nam	25/11/1997	C510205	4			6,70
1472	15,00937	Đỗ Quang	Vũ	Nam	15/12/1997	C510205	12	3		7,30
1473	15,01056	Trần Quang	Vũ	Nam	10/12/1997	C510201	12	3	1	6,70
1474	15,01231	Nguyễn Trường	Vũ	Nam	27/06/1997	C510205	5	1		5,80
1475	15,01251	Trần Tấn	Vũ	Nam	24/04/1996	C510206	12	2	1	6,10
1476	15,01272	Phạm Ngọc	Vũ	Nam	21/03/1997	C510301	10	2NT		5,70
1477	15,01384	Nguyễn Thành	Vũ	Nam	09/04/1997	C480201	12	2NT		6,50
1478	15,0167	Châu Hoàng	Vũ	Nam	19/09/1997	C510205	2	2		6,50
1479	15,01596	Huỳnh Thế	Vũ	Nam	21/08/1997	C480201	7	2NT		6,60
1480	15,01986	Hồ Quang	Vũ	Nam	09/01/1997	C510301	7			6,20
1481	15,01992	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	12/04/1996	C510205	7	1		7,90
1482	15,02272	Đỗ Hoàn	Vũ	Nam	14/10/1997	C510205	4			6,50
1483	15,02223	Huỳnh Tuấn	Vũ	Nam	05/03/1997	C510301	6			5,90
1484	15,01891	Hoàng Trần Tấn Tuấn	Vũ	Nam	12/09/1997	C510201	8	2NT		6,50
1485	15,01424	Phạm Hoài	Vũ	Nam	09/07/1996	C510301	21	2		6,10
1486	15,02777	Nguyễn Hữu	Vũ	Nam	01/11/1997	C480201	6	3		5,80
1487	15,0271	Nguyễn Long Thanh	Vũ	Nam	06/02/1997	C510201	7	2NT		6,90
1488	15,02287	Nguyễn Đăng	Vui	Nam	14/07/1996	C510201	10	1		6,40

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1489	15,0106	Trần Vương	Nam	23/01/1996	C510301	11	1		6,10
1490	15,0123	Trần Quốc Vương	Nam	02/07/1997	C480201	4	2NT	1	6,00
1491	15,01573	Nguyễn Kim Vương	Nam	09/03/1996	C510201	6			5,90
1492	15,02794	Bùi Đình Vương	Nam	29/09/1997	C510201	6			7,40
1493	15,02836	Trần Văn Vương	Nam	26/09/1996	C510205	4			6,00
1494	15,02668	Lê Thị Huyền Vy	Nữ	12/05/1997	C540204	11	2NT		6,20
1495	15,0243	Nguyễn Văn Triệu Vỹ	Nam	28/04/1997	C480201	11	3		6,60
1496	15,02488	Đặng Quang Đại Vỹ	Nam	02/10/1997	C510205	7	1		6,10
1497	15,01454	Dương Thanh Trường Xuân	Nam	23/09/1997	C510201	9	2NT		6,40
1498	15,01669	Bùi Thị Xuân	Nữ	28/01/1997	C480201	7	1		6,70
1499	15,0161	Phan Văn Xuân	Nam	15/01/1997	C510205	4	2NT		7,30
1500	15,02062	Nguyễn Hoàng Ý	Nam	28/01/1997	C510205	4	2NT		7,00
1501	15,02364	Trần Thiên Ý	Nam	18/10/1996	C480201	8			6,20
1502	15,02539	Huỳnh Ngọc Ý	Nam	16/04/2015	C510301	3	2NT		6,70
1503	15,02877	Đỗ Thị Mỹ Ý	Nữ	14/12/1996	C540204	10	2		6,60
1504	15,02082	Lê Thị Yến	Nữ	15/11/1997	C540204	9	2NT		7,00

Tổng cộng danh sách có: 1504 thí sinh

HIỆU TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

TRƯỞNG PHÒNG TS - ĐT - GTVL